

SANGTAO

THÁNG ¹²TAM 1957

KHẢO LUYỆN :

DOÀN QUỐC SỸ Nền đại học văn khoa Việt-Nam
TRẦN THANH HIỆP Nguồn rung cảm trong văn nghệ
Ấn-Độ
NGUYỄN SA Triết học của Kant
VŨ KHẮC KHOAN Một khía cạnh tâm sự của
Ôn như Hầu
THÁI TUẤN Nhận xét về hội họa trừu tượng

SÁNG TÁC :

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Chuyến xe lô
T. TÂM TUYẾN - KIÊM MINH Đoàn văn
LÝ HOÀNG PHONG Ngoài hàng đậu

THƠ TỰ DO CỦA :

THANH TÂM TUYẾN - TRẦN THANH HIỆP
TÔ THỦY YÊN - DUY THANH - CUNG TRẦM TƯỜNG

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG : XƯỞNG KỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU KỊCH
QUAN SƠN : THÊM MỘT Ý KIẾN VỀ CUỐN VĂN HỌC VIỆT-NAM THỜI
LÝ của LÊ-VĂN-SIÊU - TRƯỜNG GIANG : KHAI MẠC XƯỞNG HỌA TẾ,
DUYÊN - THIÊN LÂM TRANH THUỐC VÀ BỘT MAU của bà WAINRIGHT
HẦU ANH : CON BỌ HUNG VÀNG truyện của EDGAR POE - NGHỆ
THỰC NHIỆP ANH AGUYỄN MẠNH DẪN

CHỦ TRƯỞNG HIỆN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SƠ AN VÀ TRỊ SỰ 130B, KÝ CON - SAIGON

SỐ 14

GIÁ 6000

NỘI DUNG SỐ NÀY :

	Trang
ĐOÀN QUỐC SỸ	NỀN ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT NAM 1
NGUYỄN SA	TRIẾT HỌC CỦA KANT 11
NGƯỜI SÔNG THƯỢNG	CHUYẾN XE LỎ 17
VÕ KHẮC HOAN	MỘT KHÍA CẠNH TÂM SỰ CỦA ÔN NHƯ HẦU 23
THÀNH TÂM TUYỀN	MỘT CHỖ TRÊN ÔTÔ BUÝT 30
ĐUY THANH	BAI THỰC TÍNH SỐ 13 30
CUNG TRÂM TƯỜNG	TÔI CÒN TẾC, CÒN YÊU, TÔI CÒN YÊU 32
LÝ HOÀNG PHONG	NGOÀI HÀNG DẦU 34
THÁI TUẤN	NHẬN XÉT VỀ HỘI HOA TRƯU TƯỢNG 40
TÔ THUY YÊN	TẠI SAO KHÔNG ? - TÔI 41
TRẦN THANH HIỆP	CẢM XÚC 45
THÀNH TÂM TUYỀN	SƠM MAI 46
KIỆM MINH	CƠN THUYỀN GIẤY 48
TRẦN THANH HIỆP	NGUỒN BUNG CẢM TRONG VĂN NGHỆ ẤN-ĐỘ 51

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG : XƯỞNG KỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI YẾC KỊCH - **QUẦN SƠN** :
THÊM MỘT T KIẾN VỀ CỬƠN VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI LÝ CỦA LÊ VĂN BIỂU
(trang 54) - **TRƯỜNG GIANG** : KHAI MẠC XƯỞNG HỌA TỬ DUYÊN - THIÊN
LÂM THANH THUỐC MƯỚC VÀ BÚT MÀU CỦA RA WAINRIGHT (trang 55) -
HẦU ANH : CƠN ĐO HUNG VÀNG THUYẾT CỦA EDGAR POE - NGHỆ THUẬT
KHIEP ANH NGUYỄN MẠNH DÂN (trang 56)

SÁNG TẠO ĐÓNG THÀNH TẬP ĐÃ PHÁT HÀNH

In trên bìa cứng, trình bày mỹ thuật, giấy 400 trang, giá đặc biệt 30400.
Tập chí văn nghệ Sáng Tạo đóng thành tập (từ số 1 đến số 6) đã phát
hành toàn quốc. Các bạn chưa mua từ số đầu hoặc chưa có đủ bộ nên
lưu mua ngay ở các hiệu sách, vì số in chỉ có hạn.

Thư từ và bài vở gửi cho : **MAI THẢO**
Tiền bạc và ngân phiếu cho : **ĐẶNG LÊ KIM**
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO
133 B, đường Kỳ Con - SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng

MỘT VÀI Ý KIẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC HỌC :

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT-NAM

DOÃN QUỐC SỸ

NGUỜI ta thường nói : « Đại học Văn Khoa » là bông hoa của Đại học. Ở bất cứ nước nào Đại học văn khoa vẫn là nơi trung tâm phát huy tư tưởng của nước đó. Phạm vi hoạt động của một quốc gia càng rộng, các ngành chuyên môn càng nhiều, như bánh xe càng lớn càng cần nhiều nan hoa để chống đỡ. Nhưng bánh xe lớn, nan hoa nhiều mà trục xe không vững thì vành bánh cong queo có thể sụp gãy bất cứ lúc nào, rút cục xe này cũng không hơn gì xe bánh vuông. Đại học văn khoa là cái trục của bánh xe tư tưởng vậy !

Ở nước ta ngày nay ngoài các ngành y được có từ thời thực dân, còn biết bao ngành chuyên môn khác đã chớm nở hoặc đang đà phát triển ; tất cả những ngành chuyên môn đó dù muốn hay không muốn vẫn phải luôn luôn hướng về trung tâm tư tưởng của dân tộc là Đại học Văn Khoa như cành cây, hoa, lá phụ thuộc về gốc, như những nan hoa của vành xe hướng về trục, như những con tàu xưa ngoài khơi không bao giờ dám quên sao Bắc Đẩu để giữ vững hướng đi. Các ngành chuyên môn trong nước càng phát triển, trách vụ của Đại học văn khoa càng nặng nề.

XÉT QUA LỊCH SỬ ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT NAM

Năm 1945 sau cách mạng tháng tám dân Việt dành được chính quyền nên cho mở ngay Đại học, văn khoa dạy ở đại giảng đường Đại học thu hút ngay được chừng ba hay bốn trăm sinh viên. Các giảng viên có : Đặng-thái-Mai, Phan-Anh, Nguyễn-thiệu-Lầu, Xuân-Diệu. . . . Chiến tranh bùng nổ, trường Đại học văn khoa đầu tiên đó cũng ngừng hoạt động.

Năm 1949 ông Phan-huy-Quát — hồi đó đương giữ chức Bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục — lại cho mở Đại học văn khoa Việt Nam. Thoạt tiên người Pháp chỉ nhượng cho hai buồng ở Đại học, sau được bốn

buồng (1). Ý ông Phan muốn tỏ cho người ngoại quốc biết là nước Việt-nam độc lập, vẫn hơn Việt-nam phải được vun giồng. Để chặn mọi âm mưu tiêu huỷ, ông Phan chính thức hón Đại học văn khoa của ta bằng cách tặng bằng Tiến sĩ danh dự Văn khoa (Docteur Honoris Causa) cho ông Jessup, đặc sứ Mỹ.

Từ khi ông Phan thôi chức bộ trưởng, Đại học văn khoa bị bỏ cho sống lay sống lắt. Tôi có cảm tưởng trường lớn tại được trong khoảng thời gian này là nhờ ý chí và lòng thiết tha với nền văn hóa dân tộc của mấy vị giáo sư, chứ không phải nhờ chính quyền. Kể lại sự kiện này ra đây không phải tôi muốn trách những kẻ trước đây đã không tin và không bồi đắp cho nền quốc học — mà tình hoa là Đại học Văn Khoa — là vung bấn, sự thực tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng ý chí lớn tại của dân tộc bất diệt; trong cuộc chiến đấu trường kỳ và đau thương vừa qua một cá nhân kẻ nắm chính quyền có nghĩa lý gì với guồng tiến niền móng, rộng lớn của lịch sử dân tộc?

Cho đến khi người Pháp hoàn toàn hết quyền ở đây, trường Đại học văn khoa bắt đầu được nâng đỡ nhưng vì giấy tờ chậm trễ, hành chính nặng nề mãi tới niên học 1956-1957 hên mới được nhập vào xác, Đại học văn khoa mới được nhập vào... Đại học viện, và phải đợi sang niên khóa tới — 1957-1958 — Bộ Quốc Gia Giáo Dục mới quyết định tổ chức xong cử nhân giáo khoa về văn chương Việt.

Vì sao vậy?

— Vì sự thiếu sinh viên chẳng? — Vì cho rằng kinh tế nước nhà còn lạc hậu cần mở mang kinh tế trước chẳng? Như vậy là sa vào lý thuyết thối hận của « kinh tế quyết định hết thảy » của Cộng-sản rồi còn gì! Sự thực nền kinh tế của nước ta là nền kinh tế nông nghiệp, thuở xưa tỉnh Hưng Yên đã từng trải 24 năm lụt lội mà làng nào cũng vẫn có năm, sáu ông đồ tiếp tục công việc dạy học. Tinh thần hiếu học đó cho tới nay có bao giờ kém sút nổi bằng bột?

— Hay vì cho rằng kho tàng văn học nước ta còn cỗi lẫm chẳng có gì đáng học? — Lầm biết mấy! Nhìn về dĩ vãng nền văn minh của dân tộc đã sớm thực sự đạt tới tối cao độ từ thế kỷ thứ mười một, tương ứng với thời trăng đỏ Tây phương, thời mà phần lớn các nước nơi này còn ở một trình độ văn hóa thô sơ lắm. Hãy khơi sâu vào nền văn học thời Lý, tư tưởng đạo đạo của một Vạn Hạnh thiền sư, của một Mãn Giác thiền sư có thể làm lệch cán cân của mấy thế kỷ tư tưởng Tây phương góp lại. Nói thế không phải để kiêu hãnh với Tây phương

(1) Những buổi họp, sau ngày 9-3-1948 đã được người Nhật dùng làm khuôn mẫu cho quân đội, vì một số người Pháp bị bằng Văn Khoa tại Đại học Đông dương.

— người đời đã làm lạc nhiều vì klou hánh, và Đông, Tây mỗi bên có một sở trường riêng — tôi nói vậy chỉ có ý muốn nhấn mạnh rằng : hiện giờ chúng ta còn lẫn quẩn trong ngu đạo vụng dại là do kết quả tại hại của tám mươi năm nô lệ. Chẳng qua vì thực dân kim hãm trị thức, nên chúng ta mới lặn vào hoàn cảnh thụ phụ si nô của tư như ngày nay.

Nhưng thôi, khóc than hay oán trách dĩ vãng cũng chẳng sửa đổi được gì, điều cần là phải rút ở đây những bài học lịch sử mà xây dựng tương lai. Chỉ nên biết rằng ngày nay chúng ta đã có một trường Đại học Văn Khoa, trường đó kể từ năm ngoài đã được gia nhập Đại học viện và kể từ năm sắp tới sẽ có đủ chứng chỉ cho văn bằng cử nhân giáo khoa văn chương Việt, cử nhân giáo khoa Triết học. Tôi chỉ kể lại bằng cử nhân giáo khoa này mà không kể những bằng văn chương Anh, văn chương Pháp đã có, vì tôi nghĩ nếu Đại học văn khoa là linh hồn của Đại học thì cử nhân văn chương Việt và cử nhân Triết học là linh hồn của linh hồn đó. Nuôi dưỡng cho linh hồn đó phong phú, chau chuốt cho linh hồn đó sắc bén là nhiệm vụ của mọi « kẻ sĩ của thời đại ». Việc dựng nước giữ nước, duy trì và phát triển văn hóa là việc của cả dân tộc.

* NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐẠI HỌC VĂN KHOA HIỆN NAY

Bốn ngành văn chương Anh, văn chương Pháp tương đối tạm đủ tài liệu vì tài liệu sẵn có nhà trường chỉ việc xuất tiền ra mua. Nhưng bốn văn chương Việt và Triết thì hẳn như các giáo sư buộc lòng phải đi từ con số không.

Về văn chương : ngoài một số tác phẩm giáo khoa dùng ở Trung học, một số tác phẩm khác của các tác giả cận kim, các tác giả hiện đại vẫn còn ngổn ngang đó chưa được các học giả nước nhà khai thác, xếp đặt, bộ thống hóa cho thành tài liệu xứng đáng với đại học. Ấy là chưa kể còn biết bao tài liệu cổ văn bằng chữ Hán chưa sưu tầm được hết, chưa phiên dịch được hết.

Về triết học thì bên Triết Đông phương ngoài một số tài liệu cũ như các cuốn Nho giáo, Lão-tử, Mặc-Tử.. còn thêm mấy cuốn mới có tính cách tổng hợp của giáo sư Nguyễn-đăng-Thực, tuy nhiên chúng ta phải nhận rằng ở Đại học mà tài liệu có vậy thực quá ít ỏi, làm sao mà sinh viên mở mang được tầm tri thức ? Nhìn sang bên Triết Tây, tài liệu bằng tiếng Việt hoàn toàn không có, các giáo sư hoàn toàn bị hút hết thì giờ vào việc giảng dạy những vấn đề căn bản thường — mà cũng không đủ — không còn thì giờ đào sâu về riêng một triết gia hay một hệ thống triết học nào. Chúng ta làm cách nào bây giờ để thoát khỏi tình trạng bế tắc đó, để khơi đường thông cho tư tưởng sinh viên thoát khỏi ao tù mà gặp biển cả ?

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA

Ở văn khoa cũng như ở mọi ngành đại học vấn đề căn bản cho sự học của sinh viên là tài liệu. Giáo sư thiếu, tài liệu có dư thì sinh viên vẫn có thể tiếp tục công việc khảo cứu của mình. Vấn đề tài liệu của Văn khoa — ở hai ngành văn chương Việt và Triết — hiện bắt đầu từ con số không, thì việc xây dựng tưởng phải theo phương pháp là xét xem những việc nào phải làm tức khắc, những việc nào làm lâu dài. Chúng tôi xin mạo muội đề nghị một vài ý kiến như sau :

Công việc cấp tốc.— Điều tối cần yếu là Đại học văn khoa cần có tập kỷ yếu xuất bản hàng tháng. Tập kỷ yếu này sẽ gồm có những bài giảng hay những bài luận thuyết của các giáo sư về các môn mà các vị phụ trách. (Mấy niên học qua vẫn có một số tài liệu phải quay Record hay đánh máy để phát cho sinh viên, xét ra vừa đắt hơn tập kỷ yếu in, vừa có vẻ như công nghiệp *). Ngoài một số giáo sư hiện đương chính thức phụ trách, cụ Khoa trưởng có thể mời các nhà khảo cứu văn học, triết học đến diễn thuyết (2). Có điều gì thắc mắc sinh viên đặt câu hỏi với ngay diễn giả. Tất cả những bài diễn thuyết với những điều thắc mắc đã được giải quyết bởi chính diễn giả hay theo ý kiến của giáo sư đều được đăng lên tập kỷ yếu để làm tài liệu học tập và nghiên cứu lâu dài cho các sinh viên. Chúng ta chưa có các giáo sư thực sự nhưng theo phương pháp bỏ tức mời các nhà khảo cứu văn học đến diễn thuyết tại giảng đường như trên có khác nào mỗi người đem lại một bó đuốc ? Tích tiểu thành đại trăm ngàn bó đuốc hợp lại sẽ thành một vùng ánh sáng vừa đẹp, vừa phong phú thừa đủ để dẫn dắt sinh viên và gián tiếp giúp vào việc đào tạo những tiến sĩ văn khoa xứng đáng sau này. Họ sẽ chia nhau nghiên cứu nhau về từng tác giả Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trừ, Cao-bá-Quát, Hồ-xuân-Hương... về từng ngành triết học Tây phương, Trung Hoa, Ấn Độ... về từng triết gia Khổng-Tử, Lão-Tử, Trang-Tử... để tiếp tay cho các giáo sư hiện giờ đỡ cảnh vất vả quán xuyến (3). Cụ Khoa trưởng có thể điều đình để Đại phát thanh quốc gia thường xuyên nhường cho trường

(2) Trong niên khóa vừa qua trường Cao Đẳng Sư Phạm có tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết trong đó có một tháng liên nối về Khổng Tử. Thực là hay ! Nhưng số người nghe hết được là bao ? Giá để cả những bài diễn thuyết đó cho gôm in thành một tập kỷ yếu thì công việc phải biến sẽ được rộng rãi và lâu dài biết mấy.

(3) Vì các giáo sư đại học nước ngoài không bị hút vào công việc quán xuyến nên có thời giờ nghiên cứu kỹ từng tác giả, từng triết gia. Ông Ferdinand Alquié, hiện giáo sư đại học Sorbonne, cứ mỗi tuần vào chiều thứ năm, từ 6 giờ đến 8 giờ đến đại giảng đường Descartes giảng về Descartes. Bài giảng được trực tiếp truyền thanh lại có thư ký ghi chép. Những bài giảng đó được giáo sư sắp đặt, sửa chữa lại

một giờ nào đó về buổi sáng sớm hay buổi tối. Những bài giảng chính yếu của các học giả đều được thu vào giấy để tới giờ đó phổ biến cho toàn quốc. Giảng đường trường Đại Học Văn Khoa không thể chỉ thu trong bốn bức tường mà thôi.

Vẫn ở phần công việc cấp tốc, riêng về phần Triết Tây cần giải quyết tài liệu cho các sinh viên. Trong khi chờ đợi các tác phẩm tham khảo của các giáo sư, triết tưởng chúng ta có thể cho dịch và in ngay một số sách Pháp đại loại như :

Traité de Logique	của	Edmont Goblot
Traité de Morale Générale	»	René Le Senne
Traité de Métaphysique	»	Jean Wahl
Traité de Sociologie	»	George Gurvitch.
vào v.v...		

Các sách trên đây mỗi quyển dày từ năm trăm đến một ngàn trang. Đó là những tài liệu tối thiểu và cần thiết cho sự học hỏi của sinh viên, nếu chúng ta muốn trình độ tri thức của sinh viên nước nhà khi ra khỏi Đại Học Đường không hề với sinh viên ngoại quốc. Việc dịch đó có thể giao cho một số sinh viên, chỉ cần trường Đại Học Văn Khoa «dỡ dẫu» và đảm nhiệm việc ấn loát. Loại sách này sẽ mở đầu cho Tủ Sách Văn Khoa là một công trình nghiên cứu dịch thuật lâu dài.

Phần công việc lâu dài.— Phiên dịch trọn bộ tứ thư ngũ kinh (quyển nào đã dịch rồi thì sưu tầm và cho tái bản), phiên dịch các sách về đạo Lão, đạo Phật, về Yoga, cùng những tác phẩm của các triết gia lớn Tây phương từ Thượng cổ đến Cận kim. Về văn học ngoài việc sưu tầm, nghiên cứu loan bộ nền cổ học nước nhà, chúng ta lần lượt cho dịch các tác phẩm danh tiếng của các văn hào thế giới thời cổ điển, cận kim cũng như hiện đại (1).

Việc thực hiện chương trình trên.— Công việc tuy nặng nề nhưng không phải là không thể thực hiện được miễn phải bắt tay vào việc ngay.

chất từ rồi cho in thành sách. Cứ như vậy mỗi năm giáo sư đào tạo về một khía cạnh của Descartes. Vì vậy chương trình Đại học cứ hai năm thay đổi một lần, các bài giảng không hề bao giờ trùng nhau.

Giáo sư dẫn chương Nevill Coghill ở Oxford có nói trong một năm ông chỉ dạy có sáu tháng, sáu tháng nghỉ ông dùng để tập những công việc soạn bài vở. Việc theo dõi các sách vở báo chí về khoa ông dạy là công việc thường xuyên nếu không thì — như lời ông nói — «rất dễ trở nên một thầy giáo già với những ý tưởng cũ kỹ và tầm thường buồn tẻ như những đóa hoa đã không hợp thời nữa rồi.»

(1) Tại nước Nhật, người ta không những đã dịch hết những tác phẩm cổ điển của các nước, mà hiện nay cả trên sân khấu thế giới xuất hiện một tác phẩm giá trị nào đều được họ dịch ngay sang tiếng Nhật để mở rộng kiến thức cho sinh viên nói riêng, cho dân chúng nói chung.

Công việc đó nếu không là nhiệm vụ của toàn dân thì ít nhất cũng là nhiệm vụ của mọi phần tử ưu tú trong nước và khi công việc khẩn hành phải được chính quyền tích cực nâng đỡ.

SUU TÀM TÀI LIỆU

Rất nhiều tài liệu cổ học của ta hiện có ở thư viện bên Pháp. Việc chụp và in những tài liệu đó không được chính quyền giúp đỡ làm sao nổi ? Với các tài liệu rải rác trong nước thì hoặc Quốc hội quyết định, hoặc Tổng Thống cho một đạo dụ để các tư gia nào còn giữ được những tài liệu cổ thì cho Đại Học Văn Khoa biết. Đại Học Văn Khoa sẽ cử người tới chụp và cho in ra nhiều bản để vừa phổ biến và vừa giữ lâu dài về sau. Việc sưu tầm tỉ mỉ và công phu này là những việc mà các đấng minh quân đời Trần, đời Lê đã từng làm cho thư khố quốc gia.

IN VÀ PHỔ BIẾN TÀI LIỆU

Căn cứ vào kinh nghiệm hiện tại, một cuốn sách ở trình độ cao cho in ra thì tỉ lệ số người mua không bằng 1/1000 số người đã đọc thông viết thạo. Bởi vậy việc dịch những tài liệu ngoại quốc, việc thu thập khảo cứu để phổ biến những tài liệu cổ học trong nước không phải chúng ta thiếu người làm mà là không dám làm vì trông thấy trước kết quả thu hoạch để «uổng» người làm việc đó không được là bao. Để bổ khuyết điều này, Đại học văn khoa sẽ mật thiết liên lạc với chính quyền để được sự nâng đỡ thiết thực và chính đáng. Trên đây tôi có nói đến từ sách văn khoa, ý muốn nói những sách do Đại Học Văn Khoa nhận thấy bổ ích và cần thiết nên đứng lên đỡ đầu và cho xuất bản hoặc tái bản. Những sách đó đều là những sách chính yếu cho thư viện quốc gia. Chúng tôi đề nghị : ngay từ bây giờ chính phủ cho tổ chức tại mỗi tỉnh một thư viện. Rồi cứ mỗi cuốn sách do Đại học văn khoa xuất bản chính phủ có thể mua giúp cho 1000 cuốn ; Cộng thêm với số sách bên ngoài, Đại học văn khoa có thể đủ liên tiếp tục in cuốn sau và trả liền thù lao cho tác giả hoặc dịch giả : Cứ như vậy chỉ cần hai năm sau là chúng ta đã tương đối có đủ số sách cần thiết để nghiên cứu học hỏi và chỉ mười năm sau thư viện Quốc gia của ta cũng đầy đủ sách vở văn chương, triết học bằng tiếng mẹ đẻ như thư viện quốc gia Nhật ngày nay.

Việc chính quyền phối hợp giúp đỡ Đại Học Văn Khoa như vậy có hai điều lợi chính yếu.

Thứ nhất : Khuyến khích được công cuộc sáng tác, khảo cứu, dịch thuật, khiến các tác giả, dịch giả yên tâm về việc thu hoạch lợi tức mà hồi lòng tiếp tục công việc.

Thứ hai : Giải quyết ngay được vấn đề chính yếu là vấn đề tài liệu để thỏa mãn lòng hiếu học của sinh viên nói riêng và toàn thể dân tộc nói chung.

Hiện nay nhìn vào các ngành Đại học nước nhà và đặc biệt ngành Đại học Văn Khoa chúng ta thấy phần lớn các sinh viên đều hoặc là giáo sư ở các trường công, tư, hoặc là công chức ở mọi ngành.

Có giáo sư đã hai thứ lác trên đầu, có chị bụng mang dạ chửa vẫn hàng ngày đến trường đều để ghi chép bài giảng (5). Tình thần hiếu học của người mình có dư, nhưng thời gian học hỏi của kiếp người có hạn, đại học không phải triền, sinh viên Đại học mà non kém thì còn mong gì nâng cao trình độ văn hóa cho toàn quốc ? Tiền đồ là quốc ra sao, danh dự là quốc ra sao ? (6)

Ngoài những người được may mắn ở ngay Saigon còn biết bao người làm việc tại các tỉnh nhỏ muốn tiếp tục việc học mà không có phương tiện (Vì vậy trên đây tôi mới đề nghị các bài giảng chính và các bài triển khai của Đại Học nên được phát thanh vào buổi tối sớm, hoặc buổi tối tức là vào những giờ thuận tiện cho tất cả mọi người).

Tình trạng của sinh viên ngày nay thêm khát tài liệu để học hỏi như cái khô thêm nước. Nếu sách vở trong nước được sưu tầm, sách vở ngoại quốc được tuần lý phiên dịch và phổ biến (7), nếu hàng tháng tập kỹ yếu Văn khoa ra đều để cung cấp tài liệu học tập dồi dào cho sinh viên, nếu các bài giảng chính yếu được thu vào giấy rồi cho truyền thanh vào giờ thuận tiện, nhất định trong không khí tương đương của học hỏi đó các giáo sư càng có dịp khơi sâu tư tưởng, tiếp tục đề cập mọi khía cạnh nghiên cứu và những bài giảng của các vị càng là những tài liệu quý giá không riêng cho sinh viên trong niên khóa mà còn là những tảng đá vững lớn dựng xây cho lần đại quốc học ngày một ngày. Cứ đà như vậy Đại học văn khoa như nguồn nước nhỏ góp nước các mạch thành suối, góp suối thành sông liền ra gặp biển và không còn cảnh các sinh viên chờ được rớt trí thức vào óc như

(5) Tình thần hiếu học của người Việt đã khiến người ngoại quốc phải khâm phục ra sao, xin xem « HẢI LÃY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TỬY », (Sông Tơ số 4, tháng giêng 1957.)

(6) Niên khóa 1950-1957 cụ Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Trương-Công-Cứu có đề nghị mở Cao học để các sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân vẫn có thể tiếp tục việc học. Sau đó cụ Khoa trưởng nhận được công văn hỏi : nếu sinh viên tốt nghiệp xong cao học thì chỉ số lương là bao nhiêu (1). Kề cũng lúc cuối, một người muốn khen : « anh đẹp như hoa », một người muốn khen : « anh đẹp bằng chỉ số 80 ! » Tôi tin rằng vì trách nhiệm hành chính nên người thứ hai mới viết công văn hỏi vậy chứ không phải vì muốn đánh giá mức độ cao học bằng... chỉ số.

(7) Dân sinh viên ta đọc thạc tiếng ngoại quốc, tất cả những tác phẩm đó vẫn phải dịch sang tiếng Việt. Có như vậy tư tưởng bốn phương mới được phổ biến cả bề sâu lẫn bề rộng để mở rộng kiến thức văn cho một tầng lớp. <https://tieulun.hopto.org>

lên trà chuyên từ chén lớn xuống chén nhỏ. Được vậy vùng trong biển tài liệu phong phú, cá linh của sinh viên có đủ điều kiện để nảy nở. Như vậy, dù có ngồi trên trống tre học dưới túp lều, giá trị tri thức cũng không hề sút giảm.

Trước khi kết luận chúng tôi xin thảo luận như sau :

Sở dĩ nền Đại học ngày nay ngưng đọng, sở dĩ chúng ta ngày nay nặng nề tự ty mặc cảm, vì suốt trong làm chục năm nô lệ qua thực dân đã nhấm nhấm cắt đứt những vĩ ti huyết quản tinh thần vẫn nối liền chúng ta với truyền thống ngàn xưa. Ngày nay ý thức được điều đó, chúng ta hãy gấp tự phát triển rễ cái rễ con tinh thần mà sâu, mà bám rộng lấy mảnh đất truyền thống cho cây văn hóa đứng vững. Cây có đứng vững mới tiếp tục đón hương gió bốn phương mà chờ ngày sinh hoa kết trái. "

Đại học văn khoa được chính quyền địa phương nâng đỡ sẽ mau lẹ, khai thác tài liệu cổ học của ta, phiên dịch và phổ biến dần tài liệu cổ học thế giới, rồi đến các tác phẩm, các tài liệu cận kim và hiện đại, để không những theo kịp mà còn luôn luôn góp phần vào mọi tiến hóa của tư tưởng nhân loại.

Sách in được sẽ lập thành thư viện ở khắp các tỉnh. Các bài giảng chính, các bài thảo luận được truyền thanh lại vào những giờ thuận tiện. Giảng đường Đại học văn khoa gồm toàn quốc, sinh viên Đại học văn khoa là tất cả những ai có chí học hỏi. Văn bằng cử nhân, văn bằng cao học cấp phát hàng năm sẽ không hàng chục mà hàng ngàn. Với sự hoạt động của các «cán bộ văn hóa» tới nghiệp đó, trình độ văn hóa của toàn dân, bộ mặt văn hóa của dân tộc sẽ tiến bộ, đời mới và phong quang gấp bội !

Trong khi bánh xe tư tưởng nhân loại tiến, lẽ nào tư tưởng Việt-Nam cam chịu là một vành bánh nhỏ và rồi lắp vào bên những bánh xe lực lưỡng khác ?

Rất kinh nghiệm tám mươi năm Pháp thuộc vừa qua, chúng ta càng thấy việc phát triển văn hóa dân tộc là khẩn cấp và chính yếu để chuẩn bị chống lại với bất cứ cơn phong ba nào khác trong tương lai.

Chúng tôi vẫn nghĩ rằng : Cách giữ nước hiệu nghiệm là phải phát triển ngay khu rừng văn hóa. Quân địch không thể dẫm lên khu rừng này mà chiếm được đất. Quân địch càng không thể san phẳng khu rừng vì nó bắt rễ tự trong tim óc của con người, chặt đi lập tức với cảnh máu đào xương trắng nó lại mọc lên xanh tốt hơn bao giờ hết. Một sự kiện lịch sử xa xưa để chứng minh : Từ thế kỷ thứ hai trước Thiên Chúa đến đầu thế kỷ thứ ba sau Thiên Chúa là khoảng thời gian cực kỳ phồn thịnh của đế quốc La-mã mà lãnh thổ lãnh thổ trường gồm

cả miền Đàng-trung-hải, dân số từ 60 đến 80 triệu người, nhưng văn hóa (thống trị) La-mã vì kém linh số, kém sắc bén nên rồi cuộc văn bị hút vào văn hóa bị trị Hy-lạp.

Một sự kiện lịch sử khác về kinh nghiệm bản thân của dân tộc nhà: cương quyết như Mã Viện, tàn bạo như quân Nguyễn, nhảm nhí như Trương Phụ đã làm gì nổi chúng ta ? (8).

Chúng tôi nghĩ đến cuốn *« Vietnam, Sociologie d'une guerre »* của P. Muss, bìa ngoài in cảnh một gia đình nghèo Việt-nam có một ông cụ già với nét mặt cổ kính mà tác giả ví với nét mặt của Esope, một người nâng đầu đứng bên và cậu con với khuôn mặt tế nhị mà tác giả ví với khuôn mặt của một hoàng tử.

Chúng tôi nghĩ đến lời một người Mỹ trước đây phê bình những bức tranh Tả vẽ ghê lợn của ta : « Sao mấy trăm năm rồi trước người Việt-nam đã khám phá được những đường nét và màu sắc lạ như vậy ? »

Chúng tôi nghĩ đến câu chuyện một số nhạc sĩ trẻ danh của thế giới đến quay phim những điệu múa và thu thanh những khúc hát cổ ở Huế, đã hết lời ca ngợi âm thanh thuần túy bản nhạc Pháo lục của ta. Tôi khi họ được xem đánh trống phượng vũ (đánh trống như phượng múa) thì một danh cầm lỗi nghiệp ở âm nhạc việc Rome đã hai lần ngã mũ tỏ dấu thán phục. (Như vậy thì tiếng trống Ngưu dương của Nữ Hánh đời Tam quốc đánh lên như khúc như than không phải là chuyện ngoa).

Chúng tôi nghĩ đến cả kho tàng văn chương — bác học cũng như bình dân — còn kia.

... Và chúng tôi thấy rằng gia tài văn hóa của ông cha để lại phong phú biết chừng nào !

Phải, vị danh cầm ngoại quốc còn nói với vị nhạc sĩ đánh trống phượng vũ của ta rằng : « Nếu ông mà sống ở nước tôi, lập tức ông thành triệu phú ».

Tôi thiết nghĩ điều đó không phải là cái dở của Việt-nam. Ở Việt-nam nghệ thuật không đánh giá bằng tiền, nghệ thuật hồn nhiên nảy nở như hoa lá trong thiên nhiên ! Người vẽ tranh gà lợn chỉ là một người dân quê Việt sống ở một làng hẻo lánh, quanh năm trồng

(8) Trước đây trong thời thực dân, gần đây trong thời độc lập gần đây với những tên cầm quyền tay sai của thực dân, những xu hướng chúng ta được chứng kiến một sự kiện nữa mới là : dân chúng đến thăm thăm trong cùng khố, mọi hoạt động văn hóa ngừng trệ, nhưng kể một tên nào tham dự chính quyền là có đến đến có nhà nghỉ mát ở ngoại quốc, có hàng triệu triệu bạc kinh doanh ở các nhà băng ngoại quốc. Thôi là mới mới dân đến cho người dân Việt với đức tính của cá, nhấm ngai đến bị đã giết nước trời hàng ngàn năm sông gió, thực đáng xấu hổ trước linh hồn ông cha ta là đi hết mấy triệu con mắt bằng quan của ngoại bang ! Ngày nay nhấm ngai văn hóa đó với chúng ta đang khốn cấp thế nào tưởng khó phải nói đại dơng ở đây

thiếu ; người nhạc sĩ miền Trung đánh trống Phụng vũ xong thì xuống con đò nghèo tiếp tục lãnh đánh trên dòng sông Hương...

Tất cả những điều trên chứng tỏ gia tài văn hóa của người Việt-nam không hề hời hợt như là người nhit gốc hàng tướng. Gia tài đồ đồ tích lũy sâu xa trong tiềm thức dân tộc, đã hóa thành dòng máu Việt chảy trong huyết quản dân tộc, đến nỗi mọi người dân quố quinh năm nghèo túng vẫn thực hiện được nghệ thuật hồn nhiên, ngây thơ mà phong phú như bức tranh gà, lợn, như tiếng trống Phụng vũ, đến nỗi trên khuôn mặt của ông cụ già nghèo người ngoại quốc thấy những nét hiền triết của Esopo và khuôn mặt đứa trẻ nghèo vẫn giữ được những nét thanh tú của một ông Hoàng.

Chúng tôi đã quá dài dòng trước khi kết luận ! Như vậy để làm gì ? — Để được chấm dứt rằng :

* Trách nhiệm của Đại học văn khoa nặng ! Sự nghiệp của Đại học văn khoa lớn ! Đại học văn khoa có tiền tới để duy trì và phát triển một quá vãng văn hóa như vậy mới không phụ lòng trông cậy của dân tộc, không phụ công ơn tiền nhân (1)

DOÃN QUỐC SỸ

(1) Công việc của Đại học văn khoa phải đi song song với việc Việt hóa hoàn toàn nền Đại học nước nhà. Hiện giờ dưới Trung học đúng toàn tiếng Việt. Tên Đại học còn những ngành học tiếng Pháp khiến các học sinh rất dỗi ngộ ngàng. Chẳng-khác gì đem con hổ chạp, đánh trống bỏ dùi ! Một số em lo xa bỏ trường Việt xin vào trường Tây (1). Nếu chúng ta không kịp sửa khuyết điểm trên thì rồi mình lại tự huỷ mình. (Xem : HÃY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TỬY - Đông-Tạ số 4)

TRIẾT HỌC CỦA KANT

NGUYỄN SA

KHI KANT bắt đầu giảng dạy tại đại học Königsberg thì triết học Tây phương đang bị chi phối bởi hai trào lưu tư tưởng chính : một bên là những đề án cơ tính cách quyết đoán (dogmatique) của Leibniz và Wolf, bên kia là những tác phẩm thiên về hoài nghi chủ nghĩa của David Hume.

Những người thuộc phe quyết đoán tin rằng có đủ chứng cứ để chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế, sự bất diệt của linh hồn, tính tự do của con người. Rồi họ suy diễn ra rằng : tin tưởng ở Thượng đế ta có thể hy vọng sẽ được hưởng một cuộc đời bất diệt đầy hạnh phúc—Kết luận : ta phải cố gắng làm việc tu nhân, tích đức cho thuận với lẽ trời.

Cũng có những người thuộc phe quyết đoán lại chủ trương ngược hẳn lại. Họ cho rằng có thể chứng minh sự vô hữu của Thượng đế — Chết là hết—Và họ nghĩ rằng ta không có gì để hy vọng ở bên kia cõi đời này. Cho nên tất cả vấn đề là làm thế nào quy định được cho rõ ràng thế nào là hạnh phúc và cách thức đạt tới ra làm sao ?

Phe hoài nghi chủ nghĩa cho rằng ta không thể trả lời được câu hỏi có trời hay không. Ta không thể biết được một chút gì về nguồn gốc và số phận ta. Cho nên ta không nên hy vọng vì tất cả có thể là ảo vọng. Cuộc sống của ta như vậy, ta nên hướng dẫn theo thói lệ, tập quán, rồi được đến đâu hay đến đấy—Đó là lời khuyên của một Montaigne. Còn câu hỏi : « ta phải sống ra làm sao ? » là một vấn đề nan giải.

Nhận biết rõ hoàn cảnh triết học đương thời (và cũng là hoàn cảnh truyền thống của triết học) Kant đã tóm tắt lại trong một trang sách danh tiếng rằng : Những vấn đề triết học thật ra chỉ có ba vấn đề. Thứ nhất : ta biết được những gì ? Thứ hai : ta được phép hy vọng gì ? Và thứ ba : Ta phải làm gì ? Vấn đề thứ nhất, nhằm sự phê bình những khả năng của tri thức. Vấn đề thứ hai, thuộc phạm vi tôn giáo. Và vấn đề sau cùng là một vấn đề luân lý. Những nhà triết học trước Kant đều đặt và thử giải quyết ba vấn đề kể trên theo thứ tự đó. Kant cũng cũng nhận thấy rằng cần thiết phải trả lời ba vấn đề đó. Nhưng cái đặc biệt đầu tiên của nhà triết học Đức là đã không theo thứ tự cổ truyền trong khi thử giải quyết. Kant nghĩ rằng vấn đề luân lý không tùy thuộc vấn đề tôn giáo. « Ta phải làm gì » không cần phải được diễn dịch ra từ lời giải của câu hỏi « ta có thể hy vọng được gì ? » Và hơn nữa chính giải đáp của câu hỏi thuộc phạm vi luân lý sẽ giúp ta giải quyết được vấn đề tôn giáo. Cho nên từ câu hỏi thứ nhất Kant đã đi thẳng sang vấn đề thứ ba để lại trở lại vấn đề thứ hai sau cùng.

Đảo lộn những vấn đề không phải Kant muốn phủ nhận trật tự luân lý của những vấn đề đó mà chính vì muốn đem lại cho triết học một nền tảng mới. Ngay từ khi trả lời câu hỏi đầu tiên « ta có thể biết được gì » trong sách « Critique de la Raison pure spéculative » Kant đã có cao vọng đưa triết học ra khỏi chỗ bế tắc. Sự suy ngẫm về sách vở của David Hume đã không cho phép Kant chấp nhận biện pháp dễ dàng của chủ trương quyết đoán, Hume đã thức tỉnh Kant khỏi « giấc mơ quyết đoán ». Nhưng chấp nhận quan niệm của Hume, Kant nhận thấy rằng không thể được. D. Hume không những cho rằng ta không thể biết chắc rằng « có thượng đế hay không », lại còn lên tiếng hồ nghi cả những khoa học như toán pháp và vật lý. Hume bảo rằng: sở dĩ ta tin ở sự thật hiển nhiên của những nguyên lý và những định luật thiên nhiên chỉ là vì thói quen. Kant không thể nhận được những lời chứng minh, những lý luận dễ dàng về sự hiện hữu hay vô hữu của Thượng đế nhưng ông cũng không đồng ý với phái hoài nghi. Từ đây đường lối triết lý của Kant đã được vạch định. Không đồng ý với hoài nghi chủ nghĩa thì ta phải căn cứ ở những gì để chứng minh rằng có những sự kiện như khoa học chẳng hạn là chắc chắn, là không đáng hoài nghi. Không chấp nhận lý luận quyết đoán về sự hiện hữu và vô hữu của Thượng đế ta cần phải vạch rõ chỗ quyết đoán của những lý luận đó, sự thất bại của siêu hình học. Sau đó, ta mới giải quyết những vấn đề luân lý và tôn giáo xem « ta phải làm gì » và « có thể hy vọng gì ở thế giới bên kia ?.. »



Trước hết ta hãy xét xem Kant nghĩ gì về khả năng của tri thức ? Ta hãy bắt đầu nhớ lại văn ảnh danh tiếng của Platon. Tri thức của con người Platon cho rằng chỉ là một thứ kiến thức của « ếch ngồi đáy giếng ». Kiến thức của con người giống như sự hiểu biết của một kẻ bị giam hãm từ lúc sinh ra trong một hang đá có bốn bề thì ba khép kín — Còn một lỗ hổng qua đó ánh sáng của mặt trời rọi xuống và trên những bức tường đá ta nhìn thấy bóng của sự vật — Chỉ có bóng của sự vật thôi vì sự vật ở trên kia, ở bên ngoài hang đá. Phải thoát ra ngoài ta mới biết được, phân biệt được rằng sự vật không giống những bóng đen in trên vách đá một chút nào. Với Kant ta phải nói đến một văn ảnh khác, tuy tương tự nhưng bi đát hơn nhiều — Tù nhân của Platon có thể vượt hang đá ra ngoài để chiêm ngưỡng thực tại, phân biệt thực hư. Kant nghĩ rằng ta bị vĩnh viễn giam cầm — Ta bị giam trong một chiếc tháp kín mít. Ta có thể nhìn ra ngoài nhưng chỉ nhìn qua những khuôn cửa khép chặt bởi một thứ lăng kính có khả năng bóp méo sự vật bên ngoài hay nói khác đi ta chỉ nhận được những hình ảnh giả tạo, méo mó. Hơn nữa, chiếc tháp giam cầm con người đó lại nằm trong lòng chiếc tháp nữa cũng bị kín bằng những tấm lăng kính có những đặc tính như những tấm lăng kính

nói trên. Nhưng Kant đã muốn nói gì qua văn ảnh đó? Kant đã nhận thấy ta biết được sự vật bên ngoài là nhờ tri năng. Tri năng tổng hợp những « chất liệu của trực giác » mà giác quan đem lại cho ta. Nhưng « chất liệu » mà cảm quan đem lại đó vốn phân tán, cần phải được xếp vào một cái dàn, cái khung. Dàn đó là những *hình thức của cảm quan*, những hình thức có sẵn. Ta biết được sự vật ở trong « khung » thời gian và không gian. Đó là hai khái niệm có sẵn ở nơi ta. Nếu là một con ong, cái kiến ta sẽ nhìn thiên nhiên qua những biểu tượng khác bởi vì loài vật không có như ta một *hình thức của cảm quan*. Hình thức của cảm quan đó chính là những tấm kính bóp méo sự vật bởi vì ta không thể nhận thẳng sự vật y như nó xuất hiện mà chỉ nhận biết chúng qua một khung không gian, thời gian nào đó của ta. Tri năng của ta bị giam cầm, bị lừa lọc bởi những tấm kính cảm quan. Cần phải tổng hợp cái phân tán, lý luận để xây dựng một hệ thống sự vật thống nhất và mạch lạc. Nhưng biểu tượng về sự vật mà tri năng tác thành được, tổng hợp được sẽ chỉ là một tổng hợp về *hiện tượng* của sự vật, cái vẻ ngoài, cái hiện ra bên ngoài của sự vật mà Platon đã gọi là ảo ảnh. Nên Kant đi đến kết luận rằng ta không thể vượt khỏi được những tấm kính « hình thức của cảm quan », cố gắng tìm đến cái tuyệt đối, cái bản tượng của sự vật ta sẽ rơi vào một lý luận bất lực một cách phũ phàng. Tất cả những gì ta biết sẽ chỉ là những hiểu biết về hiện tượng của sự vật mà thôi.

Lý thuyết bị đất vô cùng nhưng cũng thật khôn ngoan. Kant tránh được hoài nghi chủ nghĩa. Ông không như họ phủ nhận giá trị của những nguyên lý trên đó khoa học được xây dựng. Bởi lẽ ta có thể biết được, dựng được một *khoa học về hiện tượng*. Và như thế những nguyên lý không phải chỉ là « sản phẩm của thói quen » như Hume đã chủ trương. Đồng thời Kant cũng loại bỏ được những lý luận dễ dàng của phe quyết đoán. Loại bỏ được cái ảo vọng xây dựng được một khoa siêu hình xây dựng trên những chứng minh có tính chất khoa học như toán pháp.

* * *

Để chứng minh sự tin tưởng đó nhà triết học Đức đã đưa ta vào những lý luận hết sức phức tạp nhưng cũng rất phong phú.

Trước hết nhà triết học Đức phân biệt nơi con người ba khả năng để hiểu biết : cảm quan, tri năng và lý trí. Và sự hiểu biết thật sự tất nhiên sẽ đưa ta đến chỗ phê phán chính xác. Nhưng thế nào là phê phán? Kant đã trả lời : Phê phán là sự nhận biết của trí tuệ về sự tương quan giữa chủ thể và những thuộc từ. Thí dụ : « Tất cả mọi người đều phải chết ». Đó là một lời phê phán quy định chủ thể « người » thuộc về loại thuộc từ « phải chết ». Phê phán như vậy là một lời công nhận đến từ trí tuệ. Nhưng khác với những nhà luận lý học cổ truyền, Kant chia phê phán ra làm ba loại trong khi những nhà luận lý nói trên chỉ nhận thấy có hai. Ba loại phê phán đó là : phê phán phân

tách, phê phán tổng hợp và *phê phán tổng hợp* và *liên nghiệm*. Từ xưa, phàm đã nói đến phê phán *phân tách* tức là nói đến *tiên nghiệm*. Thí dụ: Con bạch mã của vua Henri đệ tứ sắc trắng. Nước sông Hồng Hà màu đỏ. Ta chỉ cần *phân tách* khái niệm « con bạch mã của vua Henri đệ tứ và nước sông Hồng Hà là thấu tóm được ngay màu sắc của con ngựa và nước sông ». Phê phán phân tách vốn *tiên nghiệm* và *tất yếu*. Tất nhiên màu lông của con bạch mã là trắng. Chủ trương ngược lại sẽ rơi vào chỗ vô lý. Ta đã nói đến bạch mã sao lại còn bảo rằng con ngựa không có màu trắng? Tóm lại ở một lời phê phán phân tách ta biết ngay sự thật mà *không cần thử thách, thí nghiệm*. Đó là một lời phê phán *tất yếu* bởi vì *tiên nghiệm*. Kinh nghiệm chỉ cho ta biết về sự hiện hữu của một sự kiện chứ không cho ta biết gì về một điều không thể nào không có được.

Phê phán tổng hợp trái lại không thể đến từ chỗ phân tách chủ thể. Thí dụ tôi nói: Con ngựa của vua Henri đệ tứ sắc trắng. Phân tách chủ thể « con ngựa của vua Henri đệ tứ » tôi vẫn chưa biết gì về màu sắc của con ngựa. Lời phê phán đó đòi hỏi sự va chạm, kinh nghiệm. Vậy đặc tính của phê phán tổng hợp là: *hậu nghiệm*. Va chạm, kinh nghiệm đem lại cho ta sự hiểu biết lời phê phán. Vậy phê phán tổng hợp sẽ không có tính cách *thiết yếu*. Con ngựa của vua Henri đệ tứ không *nhất thiết* phải trắng. Nhưng ở ngoài hai loại phê phán đó, Kant cho rằng đã khám phá ra một loại phê phán thứ ba: *phê phán tổng hợp* và *tiên nghiệm*. Vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm, hai tính chất vốn mâu thuẫn được phối hợp. Thí dụ khi ta nói: Con đường thẳng là con đường gần nhất nối liền hai điểm trong không gian. Lời phê phán đó mang hai tính chất:

1— Nó *tất yếu*: đường thẳng nhất định là đường gần nhất.

2— Nó *tổng hợp*: phân tách khái niệm đường thẳng ta vẫn chưa biết về sự nó là con đường gần nhất từ một điểm đến một điểm khác.

Nói khác đi, lời phê phán đó *tất yếu* vậy *tiên nghiệm* bởi lẽ những gì *hậu nghiệm* vốn biến đổi chứ không thể nào *tất yếu* được. Con ngựa mà ta *sắp* quán sát không *nhất thiết* mang sắc trắng. Nhưng lời phê phán trên một đẳng thì *tất yếu*, đẳng khác lại *tổng hợp*. Và tổng hợp như chúng ta đã biết vốn *hậu nghiệm*. Làm thế nào ta lại có thể phát biểu những lời phê phán vừa *tổng hợp* vừa *tiên nghiệm* như vậy được? Lời giải theo Kant, rất giản dị: ta biết một cách *tiên nghiệm* những sự kiện chính vì ta đã *đem một chút gì của ta vào đó*. Từ điểm nhận định này, Kant đã xây dựng tất cả hệ thống triết học của mình: chứng minh sự thành công chắc chắn của một khoa học về hiện tượng và sự thất bại phũ phàng của siêu hình học.

Chúng ta đã đem một chút gì của ta vào trong biểu tượng của ta về sự vật nên ta mới có thể có được những phê phán vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm

Về toán pháp chẳng hạn ta thấy có những phê phán vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm liên quan đến *không gian* thí dụ như lời phê phán về đường thẳng mà ta đã đề cập đến ở trên. Có những phê phán khác liên quan đến thời gian chẳng hạn như mệnh đề « thời gian chỉ có một chiều », mệnh đề then chốt của cơ học thuần lý. Ta hãy nhận rõ : ta có thể có những lời phê phán tổng hợp và thuần lý liên quan đến không gian và thời gian. Như thế nghĩa là ta đã đem một chút gì của ta vào sự nhận định đó, ta đã có một *kinh nghiệm tiên nghiệm* về thời gian và không gian trong biểu tượng mà ta có về sự vật.

Không gian và thời gian theo Kant không phải là thực tại mà chỉ là những hình thể ta dùng để nhận định những chất liệu của cảm quan. Không gian và thời gian là những tấm lăng kính bóp méo sự vật. Cảm quan ta chỉ có thể nhận biết sự vật qua bức tường vô hình đó mà không thể vượt qua được.

Trong vật lý ta cũng có những lời phê phán tổng hợp và tiên nghiệm. Kant phân ra làm bốn loại : « công lý của trực giác, tiên đoán của sự nhận định, tương xứng của kinh nghiệm, định đề của tư tưởng... » Nguyên lý về sự cần do « không có gì xảy ra trong thiên nhiên mà không có cần do » là một thí dụ. Nguyên lý đó chi phối tất cả vật lý học cho nên ta phải nhận rằng có thể có một vật lý học chắc thực như toán học.

Ta hãy đi sâu hơn chút nữa vào chi tiết của triết học Kant. Ta nhớ rằng : có những chất liệu của sự hiểu biết đến từ cảm quan—Chất liệu đó bị đóng khung vào trong những *hình thể* có sẵn là những *hình thức của cảm quan* : thời gian và không gian. Hình thức đó ví như những tấm kính bóp méo sự vật của chiếc tháp kể trên — Tri năng ta bị giam cầm trong tháp, nhận biết sự vật qua những lăng kính « hình thức cảm quan ». Thế tại sao ta lại xây được một khoa học về hiện tượng ? Chính vì ta đã đóng những chất liệu đến từ cảm quan vào trong khung « hình thức cảm quan » và những hiện tượng mà ta nhận biết là những sự kiện *chỉ hiện ra* với con người không thể khác đi được khi ta vẫn có những « hình thức cảm quan » đó, nên một khoa học về hiện tượng là điều có thể. Những chất liệu đó phân tán, hỗn độn thì đã có tri năng dàn xếp. Biểu tượng về sự vật của ý thức ta là kết quả của một cuộc tổng hợp bởi tri năng. Tri năng phê phán và hành động chính là hành động tổng hợp, thu gọn những sự kiện phân tán về một mối thống nhất. Ta có thể phê phán thiên về : 1) lượng—2) phẩm—3) tương quan — 4) hình thái dạng thức. Nói khác đi tri năng được sự giúp sức của *phạm trù* trong hành động phê phán. Thí dụ khi ta nói : tất cả mọi người đều phải chết. Tri năng sẽ không thể phê phán *tất cả mọi người* nếu không có sẵn một khái niệm về *toàn thể*. Tri năng không thể công nhận sự *sẽ chết* của con người là *đúng* nếu không có một khái niệm về thực tại. Mệnh đề sẽ không được kể là một sự kiện

nền tri năng không có khái niệm hiện hữu.

Tri năng như vậy theo Kant đã được phụ lực bởi 12 phạm trù gồm trong bốn loại: lượng, phẩm, tương quan, hình thái dạng thức. Tri năng ngồi trong tháp nhào những hình ảnh nào đó, phản tảo nhưng cũng có những ống kính khác nền không đủ sức giúp nó nhận ra cái bản tượng của hiện tượng thì cũng từng hợp được chất liệu phản tảo đó.

Thế tại sao những chất liệu vốn hạn nghiệm đến như cảm quan và những phạm trù của tri năng vốn liên nghiệm lại phù hợp với nhau. Động cơ gì đã thúc đẩy sự ăn khớp đó — Kant bảo: Tri năng ta chỉ nhận biết được sự vật ở trong khuôn khổ của những định luật hết sức tổng quát, đó là những nguyên lý của tri năng. Thì dù ta sẽ không biết gì về một vật nếu nó không có phẩm, lượng, không liên quan với vật khác bởi một tương quan nhân quả định rõ trước sau. Đó là những điều kiện để tôi có thể biết về sự vật được. Và nếu tôi biết thì chính là sự vật có những tính chất đó để có thể được biết. Nhiều người sau Kant còn đi xa đến chỗ chủ trương rằng không có hiện tượng nào xuất hiện ra trước tri tuệ con người được, nếu không ở trong khuôn khổ định luật giúp ta biết rõ hiện tượng đó, cũng như giúp ta tiên đoán và sử dụng hiện tượng. Kant không đi đến đó nhưng ông đã nói rõ rệt: ta biết được sự vật (hiện tượng), vì hiện tượng có tính chất biết được. Kết quả lạc quan là ta có thể xây dựng một khoa học về hiện tượng trên những hệ thống công lý của tri năng. Thuyết hoài nghi bị loại bỏ.

Nhưng tại sao trong khi tin tưởng được ở khoa học về hiện tượng thì siêu hình học lại đang bị gạt sang một bên?

(kỳ sau tiếp)

NGUYỄN SA

CHUYẾN XE LÔ

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

CHUYẾN xe ấy khởi hành từ Sài-gòn lúc ánh nắng vừa chớm úa những vòm cây.

Mình bảo tôi :

— Chúng mình đi sớm thế này mà. Có lẽ chỉ độ chín giờ hơn là tới Cáp. Tiết kiệm được vô số thời gian.

Rồi vút mạnh mẽ xuống đường anh tiếp bằng một giọng khám phá :

— Chín giờ ! Lúc ấy nắng bắt đầu hơi gay này. Tắm thì tuyệt. Bạt lưng thì lại xuống nước. Se da thì lại lên phơi nắng. Chúng ta sẽ đi thẳng ra bãi biển nhé ! Tắm rồi hãy ăn. Ăn xong ngủ. Rồi lại tắm. Kỳ cho thân thể tắm thắm đầy nước mặn mới ra về...

Sau cùng, tiếng anh bay hút trong gió :

— Tôi vẫn có cái thú tắm vào lúc nửa buổi anh ạ.

— Cũng như tôi có cái thú ngủ vào lúc hoàng hôn chăng ?

Tôi lấy tay che dấu một cái ngáp nhẹ, rồi cố lên lấy một chỗ ngả lưng vào đệm ghế khoang sau.

Tôi còn nhớ rõ sự tỉnh bơ nào đã đưa chúng tôi vào cuộc liên du lịch đó. Không phải biển xa lạ gì đối với chúng tôi. Buổi sáng, nhất là vào những ngày nghỉ, chúng tôi có cái lệ dậy sớm đi tản bộ, tìm hàng phố ăn, rồi chui vào một rạp chiếu bóng nào đó. Hôm ấy, cũng như suốt tuần ấy không có một phim nào khả dĩ gợi cảm hứng rất dễ dãi của chúng tôi, mặc dầu có một vài phim mới mà một vài người ca tụng. Và chúng tôi đã lên xe bên hè đại lộ lúc chưa vào quán phở.

Chiếc xe rời đại lộ, ngoẹo vào một đường cây hẹp, cao.

— Cáp. Bà rịa ! Cáp. Bà rịa !

Người phụ lái nhoi hẳn đầu ra ngoài cửa xe là lớn với mấy người đi đường.

Trong xe nhao nhao có tiếng người phản đối :

— Này ông lái ơi, xe đủ người đi ngay rồi đó. Ông còn định chen thêm người nữa sao ? Không có chịu đâu.

Lúc đó đề ý tôi mới hay rằng khoang dưới chiếc xe vừa vận tám người chen chúc nhau. Cũng may là Minh và tôi không có hành lý lại lên cao nên được cái hân hạnh ngồi ngay bên cửa.

Một bà hành khách gỡ cái khăn bông quấn đầu xuống vuốt lại mái tóc. Hai người đàn ông khác loay hoay thu xếp hành lý ở dưới chân. Có tiếng người cất lên :

— Đề nghị gửi một ông hành khách lên khoang trên với ông tài và ông ét đây. Không có lý gì các ông độc quyền khoang ấy nhé !

Người phụ lái quay lại đàn xếp :

— Bây giờ xin quý ông quý bà hãy ngồi tạm, khi nào ra khỏi thành phố chúng tôi sẽ xin xếp lại đường hoàng.

Chiếc xe vượt qua những vườn cao su nhỏ đầu tiên tới những khoảng thưa trống hơn. Người tài xế quay nghiêng, cười bẽn lẽn bắt chuyện :

— Xin quý ông quý bà an tâm. Tôi lái xe thiệt là cẩn thận. Hai mươi năm kinh nghiệm có thừa. Không qua một tai nạn nhỏ. Bảo đảm tới cấp trước 10 giờ đây.

Chiếc xe tiến tới một dãy nhà thấp bé, tồi tàn.

— Cấp, Bà rịa ! Cấp, Bà rịa !

Chưa ai kịp nói gì thì chiếc xe đã đậu lại. Người phụ lái nhảy xuống. Một ông già ở bên đường mặc cả :

— Bốn mươi về Bà rịa đây.

— Năm mươi đúng giá, đi liền.

— Chỉ có bốn mươi thôi.

Người tài xế can thiệp :

— Bốn mươi cũng được, đi ! Nàng nhặt chặt bị. Thôi nào xin lão lên mau đi cho sớm sủa.

Người phụ lái toan ấn ông già lên khoang trước. Ông lão giãy dụa :

— Tôi già cả rồi, cho ngồi khoang sau ! Ngồi đằng trước chóng mặt lắm.

Người phụ lái lúng túng. Người tài xế nhanh trí hơn :

— Nào bây giờ thì xin một ông lên trên đây với chúng tôi cho nó rộng rãi.

Một vài tiếng ầm ừ nổi dậy ở khoang sau. Muốn cho mau chóng công việc, tôi xưng phong nhường chỗ cho ông già.

Chiếc xe lừ lừ chuyển bánh. Tất cả xảy ra không đầy 10 phút. Chẳng nhớ tới cuộc tâm chiến giờ của anh, Minh căn dặn giọng bực tức :

— Bây giờ thì thôi hẳn đấy nhé.

Mấy người hành khách phụ họa :

— Nếu còn lấy khách nữa chúng tôi xuống cả đời liền lại cho mà xem.

Người tài xế vui vẻ lấy lòng khách :

— Quý ông quý bà giàu lòng cho con nhà nghề kiếm ăn mà. Thế nào cũng không dễ phật lòng khách. Tôi lái xe đã lâu năm kinh nghiệm. Nhất định đưa quý ông quý bà đến nơi đến chốn bình an.

Minh bật lên cười :

— Ông làm như đi xe không mấy khi được đến nơi đến chốn bình an chẳng bằng.

Tôi thêm :

— Nói một cách khoa học hơn thì « bất an » là nguyên tắc mà « bình an » là ngoại lệ, một ngoại lệ quý giá đáng hưởng thưởng.

Chiếc xe nhẩy sốc lên trên một cái ổ gà. Toàn thân xe rung lên những tiếng gõ sắt bao lấp tiếng nói của tôi. Hành khách xô vào nhau. Có người nói :

— Thế nào ông tài ! Hết khoe khôn rồi chứ ?

Vẫn với vẻ nụ cười vàng ối, người lái xe phản vua :

— Đây là lỗi tại đường mà.

Rồi hắn nói lảng đi bằng thuyết lý :

— Ấy cái nghề lái xe nó phải thế. Biết nhận cái nguy nhỏ để tránh cái nguy lớn là người khôn ngoan. Ví dụ vừa rồi tôi cố tránh cái ổ gà đó, thì biết đâu quý ông quý bà cùng với tôi lại chẳng dễ uống nước ruợng rồi ? Phép lái xe là ở chỗ vững tay lái, phản ứng nhanh, trầm tĩnh, không chịu ảnh hưởng của chung quanh.

Một ông khách :

— Lý thuyết đã vậy nhưng đến khi thực hành liệu có được như thế nữa không ?

Người tài xế nói xi xòa :

— Ấy cái đó cũng còn tùy. Riêng về phần tôi thì xin bảo đảm.

Một bà khách nhận xối :

— Tôi cứ thấy báo đăng tại nạn xe cộ mà khiếp, chẳng biết ở đường này thế nào chứ đường Mỹ Tho thì luôn.

Ông già chậm rãi :

— Chẳng qua cũng là do cái « vận » cũ.

Trong xe những câu chuyện riêng đã bắt đầu nhóm lên đây đó giữa các hạn bè thân thuộc. Ông già đã ngủ. Minh ngồi im. Tôi một mình lẩn thẩn so sánh thêm lời nói của ông lái xe với một câu thuyết lý còn phớt đại khái trong một vở hài kịch : « Nghệ thuật đánh nhau là ở chỗ đánh người mà chẳng để cho người đánh ». Vậy thì lời của ông lái rút lại là : « Nghệ thuật chơi xe hơi là lái xe mà chẳng để cho xe lái ».

Chiếc xe của chúng tôi lướt đều trên đường nhựa. Nắng đã lên cao, ánh sáng tỏa rộng đồng quê, khi mặt ban mai còn rớt lại từng đợt hồng loang trong gió. Những quãng đường quanh co. Chiếc xe nghiêng nhẹ. Một khoảng đồng trống rộng. Chiếc cầu sắt rung âm ỉm dưới bánh xe. Những tiếng náo động của người và xe cộ. Chiếc xe của chúng tôi đi chậm lại. Biên-Hòa sắp vượt qua.

— Cáp, Bà rịa ! Cáp, Bà rịa !

Lần này thì không phải người phụ lái kêu rao mà chính là người lái xe ngồi bên tôi. Mọi người tưởng hắn là đùa. Minh nói :

— Vẫn còn Cáp, Bà rịa ư ? Đồn hả ?

— Dạ còn Cáp, Bà rịa cho lời Cáp, Bà rịa chứ !

Hắn cười hai má bạnh ra mà trả lời thế. Và hắn không nói đùa. Hắn đã cho xe chạy chậm. Trước mặt, tôi thấy bóng một người đàn bà, không, một người con gái, vậy lay ra hiệu cho xe dừng lại. Cảnh

tay người con gái mềm mại, trắng, nổi bật lên trên chiếc áo cánh đen cộc tay. Tôi nghĩ thêm : « Thắng cha này tình mắt thật. Thế mà lúc này hắn quên không kê khai cái điều kiện tình mắt này vào trong lý thuyết phê phán xa xỉ. Xứng đáng làm hoa-tiểu vậy thay ! »

Người con gái sắp lại cái túi vải lên vai, hất chiếc nón ra đằng sau cổ, tùm đỏi ống quần làm một đé lộ hai cẳng chân trắng thon, chuẩn bị bước lên xe :

— Cáp đây. Lên với !

Khoang sau có người phản đối :

— Chết nên rồi còn ngồi vào đâu mà lên.

Một người cương quyết hơn :

— Nay ông tài, đừng có giở cái bài này đây nhé ! Ông muốn chúng tôi xuống rảo trời chăng ?

Người tài xế nhìn thoáng khoang sau. Tiếng phản đối nổi lên đờ đỏi. Hắn bối rối một vài giây và lấy giọng ôn tồn :

— Xin quý ông quý bà bình tâm. Không dám quấy rầy quý bà mãi. Rồi quay sang tôi hắn cười hóm hỉnh, nheo nửa con mắt :

— Ông cho phép ?

Tôi làm như chưa hiểu ý :

— Cho phép cái chi vậy ông tài ?

Hắn ngập ngừng :

— Dạ, cho phép cô Hai đây lên ngồi cùng... Có một mình cô ấy thôi mà. Thương người lỡ đường, lỡ xe là hơn ông ọ.

Tôi nhìn ra hai bên chưa tính trả lời sao thì hắn đã khôn ngoan nhảy phắt ngay xuống đường. Hắn mở rộng cánh xe, nắm lấy cánh tay trên người con gái, du cô ta lên. Người con gái vừa vùng vằng giật tay ra vừa ngồi xuống ghế. Thế là tôi mất chỗ ngồi bên ông tài và phải chia sẻ cùng cô khách mới cái khoảng giữa của chiếc ghế độc nhất khoang trên.

Cánh cửa xe đóng xập mạnh theo tay người tài xế. Một chiếc xe hàng vọt qua sát liền chiếc xe của chúng tôi. Có tiếng la lối từ chiếc xe đó chỗ sang :

— Mẹ kiếp, mở cửa xe tay trái ở giữa đường có ngày toi mạng nghe !

Tôi thấy người con gái liếc với người tài xế trong khi hắn cúi xuống dọn ga. Chiếc xe rú lên, đi vọt làm mọi người sợ lung vào ghế.

Khi chiếc xe đã trở lại tốc độ bình thường, tôi quay lại khoang sau nhìn Minh cười. Một bà khách lờm dờ người tài xế :

— Kiểm thêm một vài mối cửa cho vui ông tài.

Rồi không đợi bản trả lời, bà ta tiếp :

— Thế nào đã có bà tài ở nhà chưa, không thì để chúng tôi làm mai giùm.

Người tài xế cười phả lên :

— Còn gì quý hóa bằng, bà ơi !

— Nhưng mà ông muốn người như thế nào cơ chứ ?

Người tài xế liếc cô con gái:

— Dạ, thưa nốt tôi cũng dễ ọ.

Một người khách bàn góp, nhìn cô con gái:

— Dễ là thế nào cơ chứ? Trắng hay mai mai? Phì dề hay tóc dài? Mộp hay thon?

Bà khách bàn đầu tiếp lời:

— Xem nào, như ai bây giờ? Như cô khách mới lên ban nầy nhé?

Người tài xế thích chí:

— Nhưng mà biết rằng người như thế họ có bằng lòng bằng tôi không đã?

Dứt lời, hân cười vang híp cả hai mắt lại.

Không ai trả lời. Người khách đàn ông ghé vào vai cô khách:

— Cô Hai phát biểu ý kiến đi chứ?

Không quay lại, cô gái nói:

— Dạ, thưa em không có ý kiến ọ.

— Sao, chỉ có một là chấp thuận hai là phản đối thôi mà cũng không có ý kiến ư?

— Nếu thế thì xin thiếu số phục tùng đa số ọ.

— Thế nghĩa là cô tán thành?

— Tùy ý các ông hiểu thế nào được thế.

Nhiều tiếng nói một lúc:

— Hoan hô! Đoàn kết chủ khách muốn nắm! Ông tài muốn nắm!

Và tiếng cười rộ lên, kéo dài, nào động cả một khoảng đường. Hình như chiếc xe không chạy nữa. Ông cụ già khoang sau kính giắc, nhìn ra, gật ọm:

— Bà con cô bác có để cho ông tài rảnh tai làm tròn phận sự không nào? Xe gần như liệt máy rồi đó! Thế này thì bao giờ mới đến cho.

Tôi thoáng nghe thấy tiếng Minh sau một cái thở dài:

— Không khéo là tan mộng tằm chín giờ.

Chiếc xe bỗng chồm lên như con thú vồ mồi, chạy băng băng. Hành khách trong xe bám víu lấy nhau. Cô gái ngồi bên tôi không hề mất thăng bằng hai tay khoanh trước ngực, cười lên khoái chí. Bây giờ tôi mới để ý ngắm cô ta. Chiếc áo lụa đen, rất đen. Hai cổ tay tròn trắng, rất trắng. Cái ngực khỏe mạnh. Cái cổ đầy. Mũi hơi xương xương. Lưỡng quyền cao. Nước da trắng. Tóc quăn bừa bãi. Mắt nhanh. Trán thấp. Môi đầy. Diệu nửa tỉnh nửa què. Chứng người buồn bán.

Chiếc xe đã hạ xuống đều đều 60 cây số một giờ. Không ai nói với ai nữa. Người phụ lái đã bán vé xong, đang kiểm tiền. Ông già khoang sau tiếp tục ngủ. Có người giờ báo ra đọc. Tôi nghĩ ngợi vẩn vơ một lúc rồi cũng thiu thiu. Ở những chỗ đường giốc hay đường ngoẹo tôi cảm rõ thấy cổ lẳng giồng của tôi cục cựa, vịn vịn người hoặc xe nhích sang phía tôi.

Đến Long Thành, chiếc xe của chúng tôi dừng lại mặc dầu không có khách lên xuống. Ông già choàng tỉnh dậy :

— Đã đến nơi rồi hử ?

Người tài xế nhảy xuống lấy khăn mặt bông lau cổ, lau trán :

— Thưa chưa. Đây mới tới Long Thành. Xuống xem dầu mỡ ra sao. Và cũng để quý ông quý bà có ai muốn giải khát không.

Cô gái ngồi cạnh tôi đã thoăn thoắt tiến vào một quán bán nước bên đường. Người phụ lái cũng vừa nhảy xuống. Có người ở khoang sau bỏ ra lần bộ ở hồ cũ. Tôi đề nghị đổi chỗ cho Minh nhưng anh lắc đầu không nói năng. Từ chỗ tôi ngồi nhìn vào quán nước, tôi thấy ba người đồng hành của tôi đang khoa chân múa tay, cười nói ngật nghễ.

Hồi lâu, sột roẹt ông già hồ lo, cái đứt câu truyện đang xo của người tài xế :

— Xe có chạy nữa hay thôi thế này ?

Người phụ lái chạy nhanh ra xe. Người tài xế đi kèm bên cô khách vẫn không thôi thuyết lý :

— Hai mươi năm kinh nghiệm có dư mà. Còn phải lái những chiếc xe chở đồ nặng hàng tấn trên những con đường hiểm nghèo gấp vạn lần ấy. Kratié, Stung Treng, Pakse, Savannakhet, Thakhek, Luang Prabang... thôi thì không còn thiếu non xanh đất đỏ nào. Được con đường này thì thần tiên lắm rồi còn gì.

Người tài xế sửa soạn cho xe chạy. Bà khách khoang sau hỏi đùa :

— Vô dầu mỡ xe rồi chứ ?

Người tài xế cười, trả lời trong hai tiếng máy nổ :

— Cảm ơn. Vô dầu mỡ là vô dầu mỡ cho người lái xe chứ khỏi cần cho xe, bà ơi !

Nhưng hẳn vẫn không quên câu chuyện bỏ dở với cô khách quý :

— Nếu cô không tin thì tôi xin chứng minh bằng việc làm vậy.

Nói thôi làm liền, hẳn sang số xe. Chiếc kim chỉ tốc độ nhảy vọt lên 90 và tiến tới 100. Gió rít bên xe như bão lướt. Một vài chiếc xe đi ngược chiều gặp xe chúng tôi. Tôi chỉ nghe thấy một tiếng đánh «bò» mà không kịp nhận biết những chiếc xe کیا loại gì. Còn xe chúng tôi rúc thường xuyên. Những chiếc xe bị vượt qua tưởng như bị ném lại đằng sau. Hình như có những tiếng nguyên rủa từ đó. Chiếc xe của chúng tôi vẫn hăng hăng chạy như người say rượu khi vút thẳng, khi lách ngang. Tôi nghĩ : « Tiếc rằng đây không phải là một thao trường Tây Phương. Cho nên trận mạc đình, chỉ vì thiếu người dự trận. »

Người khác không nghĩ thế. Cô gái bên tôi lim dim con mắt và nhưn nháy thần mình trên ghế. Khoang sau đang dịch những biểu hiệu phản đối. Xem chừng hoa-liêu-viên không hay biết thì phải. Hẳn vẫn tiếp tục biểu diễn, hay nói cho đúng hơn tiếp tục giằng một bài học thực hành về nghệ thuật cầm lái xe hơi :

— Chỉ cần đặt một tay vào vành lái cũng đủ. Thế mà vồng như bàn thạch đó. Có cứ thử đung vào xem có chuyển không nào.

— Biết lái ông rồi mà. Đâu dám thử. Nhưng mà muốn nhờ tay ông để tưởng mình vận lái có được không?

— Được chứ! Được lắm chứ. Nào cô nắm vào một tay, tôi cầm một tay, và cứ mặc tôi đưa đẩy.

Cô gái rụt rè. Người tài xế lái một tay cô đặt lên vành lái. Một quãng đường chữ N. Vành lái xoay đi xoay lại. Hai cánh tay đen trắng bắt chéo nhau. Cô gái cười lị :
 — Còn thế nào là sang số?

— Là thay đổi tốc độ, có gì đâu. Đây cô cứ coi tôi điều khiển. Chiếc xe đi chậm lại, chậm hẳn lại, rồi lại nhanh lên, nhanh dần tới tốc độ cũ.

— Có thể vượt lên được nữa không?

— Được chứ. Đây tôi thử một tí thôi kéo người ta kêu.

Chiếc xe rù lên, băng đi như lướt gió, lưỡng chừng rời khỏi mặt đường. Chiếc kim đồng hồ vượt 100, rồi lại trở về trên 90. Khoảng sau có người cạ :

— Này ông tài, ông muốn cho chúng tôi về thăm Diêm Vương thì bảo :

— Dạ, đã xin trở về tốc độ cũ rồi đó.

Chiếc xe đi cũng gọi là hiền lành như thế được một hồi lâu. Chừng khi hành khách quên chuyện đã qua thì những trò cũ lại tái diễn.

Bỗng chiếc xe rì lên, xoay ngang chuồn choạng trên bốn bánh, rồi dừng hẳn trên bờ cỏ. Hành khách trong xe cuống cuống ôm lấy nhau, vịn vào cửa, vào thành ghế. Phút giây hoàn hồn tôi mới nhận rõ cái hiểm họa vừa đe dọa chúng tôi : thì ra người tài xế loan vượt một chiếc xe đồ trước mặt ; rồi sau chiếc xe đó lại vừa đi vào một chiếc cầu hẹp, liền mất đường ; thế là chuyện vượt bất thành người tài xế đành phải hãm vội xe trước khi vào cầu ; cũng may bộ máy hãm còn tốt lại gặp khoảng đất rộng đầu cầu, không thì có lẽ chúng tôi đã bị bẻ đầu sỏ tai rồi. Hành khách nhẩy cẫ ra ngoài xe. Người ta xúm lại mắng nhiếc người tài xế lãn lẹ. Có người hăm dọa hăm đi trình nhà chức trách, lại có người dọa đánh hăm. Minh thì chỉ xuyết xoa tặc cái cuộc tâm 9 giờ của anh. Người tài xế chống chế loanh quanh và thế bỗng thế chết là từ sau không dám để lái thời xảy ra về sau nữa. Người ta bàn cãi một hồi lâu. Rút cục người ta bắt cô gái phải đổi chỗ. Và khi chiếc xe lại lên đường thì nắng đã bắt đầu hơi gay...

Từ đó, từ cái tai nạn hụt đó, chiếc xe lỏ của chúng tôi đi với một điệu hiền lành thái quá. Câu chuyện cũ rồi cũng quên đi qua bao chặng đường chật vật đầy nắng bụi khác. Tôi dành một giấc dài cho tới lúc Minh vỗ vai tôi gọi dậy :

Xuống ! Xuống ! Đến nơi rồi !

Tôi ngáp dài :

— Chóng quá nhỉ ?

Mình cậu có :

— Lại còn chóng ư ? Anh có biết mấy giờ rồi không ? Chuông nhà thờ vừa đổ ngọ đấy.

Tôi nói phư một cái máy :

— Chóng mình ra thẳng bãi biển chứ ?

— Lại còn ra bãi biển làm gì giờ này nữa bở ông tưởng ?

Trên con đường tìm đến nhà một người quen, Mình cứ thắc mắc mãi không hiểu là chúng tôi đã ra đến biển chưa, và nếu có thì là nhờ ở cái gì : ở vận mệnh, ở ông tài xế, hay ở cái traction 11 ?

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

MỘT KHÍA CẠNH TÁM SỰ CỦA ÔN NHƯ HẦU

VŨ KHẮC KHOAN

ÔN NHƯ HẦU chính tên là Nguyễn-gia-Thiều, con Đại vũ hầu Nguyễn-gia-Cư và bà quận chúa Ngọc-Trân tức Quỳnh-Liên công chúa, con gái chúa Trịnh-Cương.

Ông sinh năm 1741; niên hiệu Cảnh-Hung triều vua Lê Hiển Tông. Vì có họ với chúa Trịnh, lên 5, ông được vào cung chúa Trịnh-Doanh ăn học. Từ chất thông minh, ông giỏi nghề văn lại tính thông nghề võ. Năm 19 tuổi được tuyển vào trong cung làm chức Hiệu-đy quân dinh-mã. Về sau có chiến công, thời chúa Trịnh-Sâm, ông được phong tước Ôn-Như-Hầu. Từ phong hầu về sau, ông hay giao-du cùng với những trí-tệ-gia, và thi-gia trong nước, mê man trong những cuộc thanh đàm về đạo Phật, đạo Lão, lấy sự nhàn hạ khoảng dật làm chí thú, không quản việc triều-dinh, nên mất sự tin nhiệm của vua Lê cùng chúa Trịnh. Gia đình lại có nhiều kẻ ganh tị, ghen ghét mà dèm pha, ông lại càng chán ngán việc đời. Đến khi Nguyễn-Huệ lấy Bắc-Hà, ông bèn dựng nhà ở Tây Hồ ở đàng Tây-Son có triệu ông ra tham chính, ông cáo bệnh mà từ chối.

Ôn-Như-Hầu mất năm 1798, thọ được 52 tuổi, cuối triều vua Cảnh-Thịnh, Tây-Son.

Trong thời ông ở đàng, ông chuyên về việc sáng-tác. Những tác-phẩm chính của ông là :

— Ôn-Như thi-tập gồm hơn một nghìn bài, thơ chữ Hán. Tác phẩm này hiện thất lạc.

— Tây-Hồ thi-tập, viết bằng chữ nôm.

— Tử-Trai thi-tập, viết bằng chữ nôm. Ngoài ra, còn bộ Sơn-Trang-Am, Sở-Từ-Điện phở vào âm nhạc.

Tác-phẩm nổi tiếng nhất được lưu-truyền đến bây giờ là một tập trường ngâm viết bằng chữ nôm, nhan đề là Cung-Oán Ngâm-Khúc.

..

Nhưng ít người bàn luận về Cung-Oán Ngâm-Khúc, so sánh với những tác-phẩm cổ-dị khác, như Đoàn-Trường Tân-Thạch, như Chính-Phụ-Ngâm.

Hình như Ôn-như-Hầu, trên văn-đàn Việt-Nam đã được rõ ràng định đoạt địa vị. Hình như về mọi phương-diện, Cung-Oán Ngâm-Khúc đã được giải-thích rõ ràng. Thật vậy, tự cổ chí kim, tất cả những người

Xuống ! Xuống ! Đến nơi rồi !

Tôi ngáp dài :

— Chóng quá nhỉ ?

Mình cau có :

— Lại còn chóng ư ? Anh có biết mấy giờ rồi không ? Chuông nhà thờ vừa đổ ngọ đấy.

Tôi nói như một cái máy :

— Chúng mình ra thẳng bãi biển chứ ?

— Lại còn ra bãi biển làm gì giờ này nữa hở ông tướng ?

Trên con đường tìm đến nhà một người quen, Mình cứ thắc mắc mãi không hiểu là chúng tôi đã ra đến biển chưa, và nếu có thì là nhờ ở cái gì : ở vận mệnh, ở ông tài xế, hay ở cái traction 11 ?

NGƯỜI SÔNG THƯỢNG

MỘT KHÍA CẠNH TÁM SỰ CỦA ÔN NHƯ HẦU

VŨ KHẮC KHOAN

ÔN NHƯ HẦU chính tên là Nguyễn-gia-Thiều, con Đạt vũ hầu Nguyễn-gia-Cát và bà quận chúa Ngọc-Trấn lúc Quỳnh-Liên công chúa, con gái chúa Trịnh-Cương.

Ông sinh năm 1741, niên hiệu Cảnh-Hưng triều vua Lê Hiên Tôn. Vì có họ với chúa Trịnh, lên 5, ông được vào cung chúa Trịnh-Doanh ăn học. Từ nhỏ thông minh, ông giỏi nghề văn lại tinh thông nghề võ. Năm 19 tuổi được tuyển vào trong cung làm chức Hiệu-ý quân binh-mã. Về sau có chiến công, thời chúa Trịnh-Sấm, ông được phong tước Ôn-Như-Hầu. Từ phong hầu về sau, ông hay giao-du cùng với những triết-gia, và thi-gia trong nước, mê man trong những cuộc thanh đàm về đạo Phật, đạo Lão, lấy sự nhàn hạ khoảng dật làm chí thú, không quản việc triều-dinh, nên mất sự tin nhiệm của vua Lê cùng chúa Trịnh. Gia dĩ lại có nhiều kẻ ganh tị, ghen ghét mà dèm pha, ông lại càng chán ngán việc đời. Kịp đến khi Nguyễn-Huê lấy Bắc-Hà, ông bèn dựng nhà ở Tây Hồ ở ẩn. Triều Tây-Son có triệu ông ra tham chính, ông cáo bệnh mà từ chối.

Ôn-Như-Hầu mất năm 1798, thọ được 52 tuổi, cuối triều vua Cảnh-Thịnh. Tây-Son.

Trong thời ông ở ẩn, ông chuyên về việc sáng-tác. Những tác-phẩm chính của ông là :

— Ôn-Như thi-tập gồm hơn một nghìn bài thơ chữ Hán. Tác phẩm này hiện thất lạc.

— Tây-Hồ thi-tập, viết bằng chữ nôm.

— Từ-Trai thi-tập, viết bằng chữ nôm. Ngoài ra, còn bộ Sơn-Trung-Am, Sử Từ Điện phổ vào âm nhạc.

Tác-phẩm nổi tiếng nhất được lưu-truyền đến bây giờ là một tập trường ngâm viết bằng chữ nôm, nhan đề là Cung-Oán Ngâm-Khúc.

∴

Nhưng ít người bàn luận về Cung-Oán Ngâm-Khúc, so sánh với những tác-phẩm cổ-điển khác, như Đoàn-Trường Tân-Thanh, như Chính-Phụ-Ngâm.

Hình như Ôn-như-Hầu, trên văn-đàn Việt-Nam đã được rõ ràng định đoạt địa vị. Hình như về mọi phương-diện, Cung-Oán Ngâm-Khúc đã được giải-thích rõ ràng. Thật vậy, tự cổ chí kim, tất cả những người

nghiên-cứu tác-phẩm này, ít nhiều, đều như đã đồng ý mà cho rằng viết nên Cung-Oán Ngâm-Khúc. Ôn-Như-Hầu chỉ nhằm một mục đích thiển cận là giải bày nỗi oán của mình khi thấy mất sự tín nhiệm của vua Lê và chúa Trịnh. Vậy tâm sự của ông chỉ là tâm sự của một viên quan bị thất sủng. Cũng như tâm sự của người Cung-nữ trong tập Cung-Oán. Và cũng như người Cung-nữ, tuy oán nhưng ông vẫn không dám giận hờn và vẫn nuôi một chút hy vọng mỏng manh :

Phòng khi động đến cửu-tràng

Giữ sao cho được má hồng như xưa...

Chủ trương đó, mới xoi qua, có vẻ hợp lý, cảnh ngộ của tác giả tưởng chừng như ăn khớp với cảnh ngộ của nhân vật chính trong tác phẩm là người Cung-nữ. Cả hai cùng đã được sủng ái rồi cả hai đều đã bị thất sủng.

Nhưng, đọc kỹ tác phẩm, chúng tôi thấy không thể không thắc mắc. Vì nếu muốn nhằm mục đích kêu nài một chút ơn mưa móc của một « Đấng quân vương » mà Ôn-như-Hầu đã sáng tác ra cả một tập trường ngâm, thì tại sao khi nói đến « Đấng quân vương », Ông hầu Ôn-Như lại đã vung và đến nỗi hơn một lần mắc lỗi mạo thương ?

Trong cái đêm đầu tiên gặp gỡ giữa nhà vua và người cung-nữ, giữa lúc người cung-nữ phấp phồng đợi chờ như :

Chồi thược được mơ màng thướt vũ,

Đóa hải đường thức ngả xuân liêu.

Ta hãy nghe thi sĩ mô tả cử chỉ vũ phu của nhà vua :

Gió đóng thời đã cợt đào ghẹo mai.

Ta hãy nghe thi sĩ mô tả thái độ tức tắn của « Đấng quân vương » :

Khi ếp mặt, ôm đào gác nguyệt,

Lúc cười sương cợt tuyết đến phong.

Đóa lê ngon mắt cửa tròng.

Và ngay trong khi được sủng ái, chiều chuộng, đây là lời tâm-sự của người cung-nữ :

Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm.

Đến khi bị thất sủng, đây là một ý nghĩ chươc-chát của nàng :

Vốn đã biết cái thân cầu chơ.

Cá no mồi cũng khó nhử lên.

Nói đến « Đấng quân vương » giữa thời quân chủ chuyên-chế mà dùng đến những danh-từ « cợt », « ghẹo », « ôm », « ếp », « cười » để mô tả cử chỉ, hay « thùng chàm », « cá no mồi » để ám chỉ đến chính « Đấng quân vương », thì chắc từ nền non hơn trăm câu thơ. Ôn-Như-Hầu nhất định không nhằm cái đích oán thăm « quân vương » để mong « quân vương » thương lại, để mong với lại một chút ơn mưa móc...

Gia dĩ, đương thời tác giả thì « Đấng quân vương » là ai ? Lê

Trịnh-Bồng, nghĩa là những người đại diện cuối cùng cho những triều-đại suy-tàn đến độ diệt vong. Lê Hiền Tôn suốt đời bị uy hiếp ; Lê Chiêu-Thống chỗi dậy đất khách ; Trịnh Sâm cúi đầu trước Đặng-Thị-Huệ ; Trịnh Cán, Trịnh Khải nép mình dưới uy thế Kiên bình ; Trịnh Bồng thất bại trước Nguyễn-Hữu-Chính... « Đấng quân vương » đã như vậy, cái « ơn mưa móc » nếu có, thật đã ra gì ? Ôn Như Hầu còn mong gì ở « đấng quân vương » ấy mà đã phải làm thư để kêu nại một chút ta nhiệm ?

Vậy nếu cứ lập luận, dựa vào cái điển-tích cũ rích « người Cung-nữ nhà Tào oán Lưu Bang » để chủ-trương rằng sáng-tác nên tập Cung-Oán Ngâm-Khúc, Ôn-Như-Hầu chỉ muốn kỳ thác cái tâm sự thấp hèn của một viên quan thất sủng thì thật quả là quá đắc tội với cổ nhân mà vô tình hạ giá nội dung của một tác phẩm cổ điển.

Bởi tâm sự của Ôn Như Hầu không phải là tâm sự của một bề tôi không đắc-dụng, mà chính là tâm sự của một kẻ sĩ mất đã nhìn thấy bao nhiêu cuộc tang thương biến đổi, tại đã nghe bao nhiêu câu chuyện thăng-trầm, địch-thân, lại đã sống giữa bao nhiêu biến cố lịch-sử quan trọng, tâm tư đôi phen bộn rộn về ý nghĩa của cuộc đời.

Tâm sự đó là một tấn kịch day dứt tiềm tàng một mâu-thuẫn khá gay go giữa một cuộc sống nội tâm muốn siêu-thoát và những triền-phọc trong thực-tại nó bỏ buộc con người phải « nhập ngũ » — Tâm sự đó là cáo một thể sống chênh vênh bởi « người trong cuộc » vẫn còn thắc mắc, vẫn còn cảm thấy lạc loài trong mê-cung của thế-sự.

..

Ôn Như Hầu là một sĩ-phu. Đẳng-cấp của thi-sĩ là một đẳng-cấp luôn luôn nắm quyền chủ-động trong mọi công cuộc quan-trọng của dân-tộc. Đó là đẳng cấp của những Tô-Hiến-Thành, Lý-Thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Chu-vân-An, Nguyễn-Trãi... Con người sĩ-phu vì vậy đã luôn luôn tự nhận và đòi hỏi một phận-sự trong xã-hội, một trách nhiệm trước lịch-sử.

Cách đây mấy chục năm về sau, Nguyễn-công-Trứ — một đại-diện xứng-đáng của đẳng cấp — cũng đã viết :

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên

Có giang sơn thì ai đã có tên

Từ chu, Hàn vốn sĩ nầy là quý

Và đã long-trọng công nhận :

Trong vũ-trụ đã dành phận-sự...

Đi sâu thêm vào cuộc sống nội tâm thì ngoài cái lý xử-thế của Khổng-học, con người sĩ-phu lại còn mang thêm cái sắc-thái thanh-thoát của Thiền-học và Lão-học. Chính cái sắc-thái này đã giúp cho con người

sĩ-phu giữ trọn tiết-tháo mỗi một khi không gặp thời mà lui về an dưỡng lạc đạo.

Đã từ lâu, bởi cái tương-quan giữa hoạn-cảnh bên ngoài và con người nội tại của kẻ sĩ vẫn giữ được thế thăng bằng cho nên mâu-thuẫn không có cơ nảy-nở : người sĩ-phu dầu gặp thời hay không đại vận, dầu xuất hay xử vẫn giữ trọn được tính cách của đẳng-cấp, vẫn được tôn trọng, kính nể trong xã-hội.

Nhưng cái thế thăng bằng đó không thể Vĩnh viễn. Và kịp đến khi, Ôn như Hầu :

... Mang tiếng khóc đưng đầu mà ra

Thì mâu-thuẫn giữa con người sĩ-phu và thời đại đã trở nên gay-go. Thời thế đã thời thanh bình. Người sĩ-phu trở nên hoạn mang trong một xã-hội chuyển-biến gấp rút.

Thật vậy, từ năm 1741 — là năm Ôn như Hầu ra đời — cho đến năm 1798 — là năm Ôn như Hầu mất — suốt gần nửa thế kỷ Việt-Nam đã trở nên một bãi chiến trường. Từ Nam ra Bắc, bao nhiêu cuộc giao-tranh đã diễn ra : Trịnh — Nguyễn, Tây Sơn — Nguyễn, Tây Sơn — Trịnh, Trịnh — Nguyễn Hữu Chỉnh, Tây-Sơn — Nguyễn-Hữu-Chỉnh, Tây-Sơn — Mãn-Thành, ... Riêng ở Bắc-Việt, bỏ ra ngoài những vụ loạn như Ngàn-già, Ninh-xá, Quận-Hồ, Quận-Hồ, vào những năm 1741, 1742, đã bao nhiêu lần xảy ra biết bao nhiêu là cuộc tranh chấp ! Nào là kêu binh tào phả Thăng-Long, nào là Nguyễn-Huệ ra Bắc giết Trịnh, rồi đến Nguyễn-Hữu-Chỉnh ra Bắc lập nghiệp, Vũ-văn-Nhậm ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn-Huệ ra Bắc diệt Vũ-văn-Nhậm, Mãn Thành ở Trung Hoa tràn xuống, Nguyễn-Huệ ra Bắc diệt Mãn Thành, Nguyễn-Huệ đột ngột nắm xuống, Nguyễn-Anh sửa soạn Bắc-Tiến.

Ở vào thời đó, thiên hạ đua nhau theo đuổi việc binh mà sao lãng văn-học. Giới sĩ-phu trở nên vô dụng. Bộ máy cai-trị diễn ra cái cảnh tượng vô cùng rối rắm. Văn võ quan lại trốn tránh nhiệm vụ, phỉnh nịnh người trên, lén lút, hà hiếp dân lành. Việc thi cử hoặc tuyển dụng công chức trở nên luộm thuộm. Vì thiếu công quỹ, chính quyền ra lệnh ai bỏ lên ra cũng được đi thi, ai bỏ lên ra thì được làm quan. Trường thi biến thành chợ thi. Quan trường trở nên một chỗ buôn bán bán tước. Không có lúc nào sĩ-khí suy-vong như trong thời bấy giờ. Có kẻ hùa theo thế mạnh. Lại có người chôn trách nhiệm mà về ở ẩn. Nhưng cũng có những người vừa ý-thức được nhiệm vụ truyền thống của đẳng-cấp lại cũng vừa hiểu rõ nổi bất lực của đẳng cấp trước thời cuộc, vừa muốn làm, lại vừa biết rằng có làm cũng là vô ích. Những người này là những con người đau khổ của thời đại.

Ôn như Hầu là một trong đám người trẻ thức này. Hơn ai hết, tâm sự của Ôn như Hầu bị dày vò. Một mặt, thi sĩ cảm thấy phải làm một cái gì, theo lời gọi của tinh thần truyền thống kẻ sĩ làm

trong tâm tâm, mặt khác, lại không biết phải làm gì. Theo Tây-Sơn u ? Theo Tây-Sơn lúc đó là phù thịnh, là phần bội lại cái nghĩa trung của đạo Khổng. Phù Lê u ? Hơn ai hết, bởi đã được sống trong cung cấm, Ôn như Hầu đã hiểu rõ những thói nát và đốn hèn của cảnh vua Lê, Chúa Trịnh. Đi ở ẩn chăng ? Cuộc đời ẩn sĩ mà Ôn như Hầu đã chọn sau bao nhiêu suy-nghĩ, tuy có làm thỏa mãn cái cốt cách Lão-Trang của thi-sĩ nhưng đồng thời lại mâu-thuẫn với cái lý « nhập thế cuộc » để nhận trách nhiệm của một kẻ sĩ.

Làm hay không làm ? Nhập thế hay xuất thế ? Tấn kích mạnh như đã trở nên mãnh liệt. Và cùng một lúc, cái hoàn cảnh khách quan ác nghiệt nó làm đảo lộn tất cả cái thế thăng bằng trong tâm hồn Ôn như Hầu, vọt trở nên ngột-ngạt như một định-mệnh.

Thế là Ôn-như-Hầu tuy tài chí có dư — như người Cung-nữ tài sắc vẹn toàn trong Cung-Oán Ngâm-Khúc — Ôn như hầu cũng đành thúc thủ trước Định-Mệnh đã an bài tất cả. Nhà Lê mất cũng vì Định-Mệnh. Nghiệp Trịnh cáo chung cũng vì Định-Mệnh. Nguyễn-Hữu-Chính, Vũ-văn-Nhôm bất đắc kỳ tử cũng chỉ vì Định-Mệnh. Nguyễn-Huệ oanh liệt một thời rồi đột ngột từ già cuộc đời cũng vì Định-Mệnh. Định-Mệnh là tất cả. Trước Định-Mệnh, con người chỉ là một con số không kinh-khủng. Trước Định-Mệnh, hỏi gì ! Còn đâu là Tự-Do của con người ?

*Quyền họa phúc trời giáng mất cả,
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai.
Cái quay búng sẵn trên đời,
Mơ mờ nhận ảnh như người đi đêm.*

Trong cái lưới mệnh mạng của Định-Mệnh bất lực, người sĩ-phu bị kẹt là Ôn như Hầu chỉ còn có biết :

Muốn kêu một tiếng cho dài kẻ cầm.

Kêu lên để vọt bởi nỗi bất bình, để cho tâm hồn tìm được đôi phần bình-thản giữa cái đon đò của thế sự.

Một tiếng kêu nào nuốt, bốn trăm vần thơ trác tuyệt, thiện đoan bách luyện. Một bầu tâm sự u uất. Một tấm thân kịch day rứt.

Đây là nội dung của một tác phẩm : Cung-Oán Ngâm-Khúc. Đây là ý nghĩa của một cuộc đời : Ôn như Hầu.

VŨ KHẮC KHOAN

MỘT CHỖ TRÊN Ó TÓ BUÝT

Tông NGUYỄN

Buổi chiều vào chột hoang xe. Đèn thấp lên
Tiếng máy nổ đồng thanh tiếng còi dài
Mưa xối xả bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bản tạp nư lấy vông
đất lộn

Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thần một ngó lên mái tóc rồi lên trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa giống sông không bờ
Sau một ngày làm việc em mơ về khói ấm khuôn mặt riêng
Tôi nghĩ về cuộc đời thắm thắm hàng ngày
Trên những thanh ô tô buýt người ta xô chạm vô tình
Tôi bám chắc cửa xe xin một chân đứng
Nhớ đến những người bạn : một người bên Xóm Cổ một người
ngoài Phú Thọ
Muốn gặp nhau mang cảm tình qua hai chặng đường lên giữa
đám ãn ão
Chuyến xe buýt chạy trong buổi chiều. Trời mưa, mưa ngoài chầu
thành

Không tìm thấy bến không đỗ lại
Vai áo đã ướt đù
Tóc em rớt xuống
Một ngày mới bắt đầu với tờ báo phát hành sớm gói tròn trên tay
Xe còn chạy mưa hoai giống sông hoang mắt bỏ cố níu lấy cửa xe
Nhưng chúng ta không kiếm được lời nào mà nói.

THANH TÂM TUYỀN

BÀI THƠ TÌNH SỐ 13

1
Anh thức dậy, thơ giảng hồng xóm nhỏ
nghe yêu em đang những sợi mặt trời
đạt lộ từng bừng thành phố lá rơi
mới hôn chót mỗi ngả tư đường quyến luyến
xao xuyến âm thanh hoa minh nguyệt chuyển
giáo hương ngàn thắm thiết nuôi không gian
yêu em sao cây-lá-lá-ngân-ngân
thấu đắm ở vô vàn trang sách mở
nghe em nghe em phấp phùng hơi thở
con đường lòng bên lên bước chân máy
cỏ mọc xanh đầy (em nhớ những lần cỏ mọc
bầu lầy cả hai đưa mình khúc khích ?)

đông của ngày qua đẹp màu ngọc bích
mộng hoang đường vừa gặp lại hôm nay
anh-lạ-yêu-em tình lại đã - đầy
yêu bất ngờ vông chôn trời điếu vilen

2

một khoảnh trời lam. ngơ ngàng câu chuyện
ngà-cười-nâu-chấm-sẻ ồm ở bay
chúng mình mê nhau từng nỗi phút giây
nên giấc ngủ cũng lắm chiều thao thức
chúng mình yêu nhau như lửa ảo mợc
như lá cành đêm xuống bước vào nhau
ô đỉnh non cao chỉ lấp ngang đầu
và biển rộng mới đang với khòe mới

3

ngỡ ngốt men say. đất trời e ấp
đời-gợn tương tư hà-nội bữa nào
phương vĩ lên màu ai biết hỏi vì sao
vì sao vì sao yêu hoài thế nhỉ
ở đâu nơi đâu cũng lời ru rì
chuyện-chúng-mình-thời mái ngói bờ hè
hãy lặng yên xem hãy lặng yên nghe
lòng tiếng nói của linh hồn nhỏ giọt
để hương diếu thơ đáng tình chót vót
lời được xem chầu chầu đối bàn tay
vườn ăn tình ngọt ngào đối vòm tay
như vũ-trạ-của-rừng-mình đối lửa

4

và đi và đi đủ chiều khắp nẻo
mà đi mà đi về tận vô thường
đủ cội bao giờ thăm thăm từng đường
anh-vẫn-yêu-em mặc tình gió bão
phương phố kinh thành thắm mùa phương thảo
chút hoang sơ lộng lộng những triền mới
chúng mình về hạnh phúc mới tình khời
hoa lim nở lim đối bờ trống trải

5

hôm-nay-yêu-em-một-lần-mãi-mãi.

TÔI CÒN YÊU, CÒN YÊU, TÔI CÒN YÊU

Chiều nay đen, trời buồn hơn đêm tối,
Không sao hôm trợ tỏ ánh đèn rung,
Không nương xa thón ánh lửa bập bùng.
Đầu thu lạnh, cây riêng hoang trút lá.
Chiều nay đen xui buồn thêm mái rạ.
Nghiêng liuk hồn thương mái nhỏ chùa thiêng,
Nhưng thanh dương cũng nặng về gông xiềng,
Ôi bình bít, gần xa trời luẩn quẩn !

Không buông neo, chiều nay đen số phận,
Vời mặt che là hấp hối trời thu,
Con ghe tìm chữ nặng một đêm tù,
Mơ bến rộng đồ sâu niềm dứt rứt,
Mơ bến rộng cho thanh thương nữ ngực,
Nghe gió đàn gũy ngọt ỳ thành thang,
Tôi ra đi mũ đội với áo choàng,
Không đoái liếc chút chiều đen thôn dã.

Vì tâm tư còn say hương mùi lạ,
Tôi còn yêu nên mới hẹn trở về,
Vời vui vui đêm quán nhỏ cà phê,
Cán anh phiếm với lời tốt túy lời,
Vời mặt sớm của hè em phố chợ,
Còn chim xoe được thề hót ra thơ,
Xinh có em tan lễ sớm nhà thờ,
Ngay tối hẹn gọi sen hồng kín bước,
Vời duyên dáng ở môi anh hải hực,
Truyện từng biêng đại lộ cô muôn chương !
Xưa em thơ mẹ gánh xiếc công trường,
Nay mắt thẹn và lòng nghe bữ ngữ,
Vàng tôi đây người làm thơ gác trọ,
Khách chuyen cần của đon phố chờ tin,
Em đêm xưa ngon giấc ngủ im lìm,
Tôi thao thức chân đi hồn ở lại,
Nay mưa gió từ chiều xa hoang dại,
Hẹn vui ngày đoàn tụ có lời đây,
Chút thơ yêu xin kể hội xam vầy,
Ôi phố thị chiều nay sao uáo uức !
Tôi còn yêu, còn yêu, tôi còn yêu...

NGOÀI HÀNG DẬU

LÝ HOÀNG PHONG

Tôi đang ngồi xem Thủy mặc thử cho Thu-Nhi cái áo nàng vừa mới may xong thì Cận đến. Anh hiện ra nơi khung cửa, im lặng, nhìn chúng tôi với một vẻ hơi khác thường.

Thủy quay lại tươi cười :

— Kìa, chú Cận, lâu ngày.

Bây giờ Cận đi đến ngồi nơi di-văng, trước mặt tôi. Anh nhìn tôi, nhìn Thủy, nhìn Thu-Nhi, nhìn quanh gian phòng rồi chép miệng, thở dài. Anh vẫn thường thở dài như thế, và sau cái thở dài lại là một nụ cười hiền lành. Nhưng lần này, tôi không thấy nụ cười của anh. Tôi hỏi :

— Sao, gì lạ không, Cận ?

Anh mỉm môi, gương mặt nhìn tôi và mỉm cười nhưng không nói gì. Thủy đã thốt xong cái nơ ở sau lưng cho Thu-Nhi và nàng vui vẻ :

— Chú Cận trông cháu Nhi có đẹp không ? Áo của má cháu may cho cháu đấy.

— Vâng, Cháu Nhi đẹp lắm. Cái áo đẹp lắm.

Cận chỉ nói thế và nhìn Thu-Nhi với một nụ cười, nhưng anh không đến hôn cháu như mọi lần. Thấy bỗng nhìn Cận với một vẻ dò hỏi rồi nàng nhìn tôi và bế con lên.

— Thôi em đem cháu Nhi đi ngủ. Anh đưa chú Cận ra ngoài vườn chơi mát rồi chút nữa em pha trà cho các anh. Thủy nói rồi, ôm con đi. Qua cánh vai nàng, tôi thấy đôi mắt Thu-Nhi ngơ ngác nhìn Cận.

— Ra ngoài này một chút cho mát, Cận.

— Vâng.

Chúng tôi ra ngồi nơi hai cái ghế mây, bên gốc cây nhãn, gần nơi tầng cấp. Tôi để bao thuốc và hộp diêm trên cái bàn nhỏ đặt giữa hai cái ghế.

— Thuốc, Cận, tôi nói.

— Không, Cận lắc đầu, cảm ơn anh.

Cận ngồi dựa ra đằng sau, chân duỗi thẳng, mặt ngửa nhìn lên trời, đôi mắt như lim dim. Thấy anh không muốn nói gì, tôi cũng để cho anh được yên tĩnh. Tôi cầm bao thuốc, rút một điếu rồi quẹt diêm, châm lửa. Vô tôi cũng dựa người ra đằng sau, duỗi thẳng chân ra trước, lộng nhin cảnh trăng xinh đẹp ở trong vườn. Vành trăng tròn lơ lửng trên nền trời. Trên mặt sân vàng mờ, những lán nhũn thấp và rộng in thành những bóng đen êm mát. Trong bóng lá xanh mướt, những

hoa bưởi trắng nõn chớm chín mím cười như e lệ. Nơi vồn đất cao, ở giữa vườn, những đóa hồng hoa mơ mọng êm đềm. Bầy giờ, tôi nhìn ra những tàn me cao, lung linh, huyền ảo ở trước đường.

Cận là bạn thân của tôi từ thuở nhỏ. Tách lìa, đời sống chúng tôi khác nhau, nhưng không hiểu sao chúng tôi lại là đôi bạn thân thiết. Sau nhiều năm xa cách, bây giờ tôi mới gặp lại anh một năm nay. Thì anh cũng vẫn thế, vẫn là con người của những mộng tưởng xa xôi. Hình như chẳng bao giờ thấy anh làm một công việc gì chắc chắn. Vì thế bao giờ cũng thấy anh lao đao. Và làm được bao nhiêu thì tiêu đi bấy nhiêu cho nên chẳng dành được một tí gì. Một người vợ sẽ giúp ích cho anh, sẽ sửa đổi được anh và anh sẽ xây dựng được một sự nghiệp nào, tôi thường nghĩ như thế. Nhưng mỗi lần tôi khuyên anh lấy vợ thì anh nhìn tôi một cách kinh ngạc. Anh hay nói: « Ai mà lấy tôi. Có điên mới lấy tôi. » Anh nói thế với một vẻ khôi hài, nhưng tôi biết rằng anh chỉ mong có được một người vợ yêu anh, một gia đình êm ấm. Bởi vì tôi biết rằng anh chỉ khổ với sự cô độc của anh, với đời sống vô định của anh. Tuy thế, điều anh nói không phải là không có lý. Một người con gái biết đắn đo, suy tính, dù có yêu anh, chắc sẽ không muốn làm vợ anh. Nhưng nếu tôi là một cô gái, chưa chừng tôi chịu lấy anh. Vì tôi biết rằng một khi đã nắm được trái tim anh thì tôi sẽ dẫn dắt anh đi theo ý muốn của tôi, tôi sẽ sửa đổi anh, tôi sẽ. . . .

Tôi bỗng nghe tiếng Cận:

— Anh Văn, nhiều khi tôi thật không hiểu gì cả.

— Anh không hiểu cái gì?

— Tôi không hiểu cuộc đời.

Im lặng một lát, Cận lại tiếp:

— Anh Văn, hơn một năm nay, nghĩ là độ gặp lại anh, tôi có yêu một người. Không hiểu sao ngày hy tôi lại không nói với anh.

Thì ra lại là một chuyện tình. Cái vẻ mặt lăm lăm của anh chỉ có thế. Tôi mỉm cười nói:

— Thì bây giờ anh nói cũng được. Có gặp gì.

— Không câu chuyện ấy đã xong rồi. Bây giờ tôi chỉ kể lại cho anh nghe một câu chuyện đi qua.

Tôi ném mẩu thuốc xuống đất và yên lặng chờ đợi.

— Anh có biết cô Thu chưa? Cận nói.

— Cô Thu nào?

— Cô Thu ở trọ cùng một nhà với tôi. Anh có đến đấy mấy lần mà.

— Có, nhưng tôi không thấy cô nào cả.

— Thế có lẽ lúc đó cô ấy ở trong phòng hay là đi làm chưa về.

— Cô ấy làm gì?

— Làm thư ký cho một hãng buôn.

Bỗng có tiếng Thúy ở trong nhà đi ra. Nàng bưng khay trà đủ trên bàn, cầm bình rót nước vào tách rồi quay trở về.

— Căn nhà tách trở, uống một hớp :

— Tôi đến ở trọ cùng một nhà với Thu cũng đã hơn ba năm. Nhà ấy là nhà người cô của Thu. Bà cụ cũng dễ dãi, hiền lành. Hồi tôi đến thì Thu đã có ở đấy rồi. Một đứa em gái nhỏ ở cùng với nàng. Phòng của tôi đối diện phòng Thu.

— Thế cô ấy không còn cha mẹ, anh em gì ?

— Cha mẹ Thu đều mất, Thu có hai người anh và một người chị đều đã có gia đình. Thu lại có một đứa em trai học ở Pháp, ngoài đứa em gái nhỏ ở với bà cô.

— Cô ấy là người thế nào ?

— Thu người mảnh khảnh, nước da hơi tái xanh. Lặng lẽ, đôi mắt buồn không màu sắc, vẻ người hơi nghiêm trang. Trong những bữa cơm, nàng ít chuyện vãn. Ngoài ra, đi làm về nàng cứ quanh quẩn trong phòng, nằm trên giường nghe máy thu thanh. Thu cũng ít đi đâu. Những ngày nghỉ, thỉnh thoảng có một vài bạn gái hoặc bà con đến thăm, rủ nàng đi chơi. Nàng lại có chứng đau tim.

— Đau tim.

— Vâng, đau tim. Có nhiều đêm, bỗng nhiên, nghe tiếng nhện kêu lên thật thanh. Cả nhà chạy vào phòng nàng thì nàng nằm vật vờ trên giường, tay chân run lẩy bẩy. Có khi nàng nằm mê man, không một cử động, gương mặt tái xanh. Cô nàng phải xúc dầu, đồ thuốc, xoa bóp cho nàng một hồi lâu nàng mới lại tỉnh. Hình như không bao giờ tôi thấy nàng cười, một nụ cười thật vui vẻ. Nàng ở trong nhà như một cái bóng mờ nhạt, lẩn khuất.

— Còn anh thời sao ?

— Tôi. Tôi thì cứ đi luôn, ít khi ở nhà. Thường thường tôi chỉ hiện ra trong những bữa cơm. Ngoài ra, những lúc ở nhà thì tôi vào trong phòng, đóng cửa lại. Tôi chỉ muốn được yên tĩnh một mình. Thành ra tôi chẳng có cơ hội nào để nói một câu chuyện gì thỏa một với nàng. Thật ra thì không phải là không có. Ở cùng một nhà, tôi muốn được gần gũi với nàng hơn. Nhưng vì nàng lặng lẽ quá cho nên tôi cũng ngại. Cuối cùng tôi bỏ qua không để ý đến nàng nữa. Như thế, một năm qua.

— Thế đến năm thứ hai ?

— Đến năm thứ hai tôi yêu Thu.

Tôi hơi mỉm cười nhưng không nói gì. Căn phòng cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên, đắm chìm nhìn vào bóng trắng. Một lát sau, nói lại tiếp :

— Tôi cũng không hiểu tại sao trong hai năm ấy, tuy nhiên tôi không thấy gì cả. Cho đến một lúc tôi bỗng lại yêu Thu.

— Thế câu chuyện bắt đầu như thế nào ?

— Sáng hôm ấy là một sáng chùn nhạt. Tôi ngồi tựa nơi cái ghế mây rộng ở trong phòng, và đang đọc một cuốn sách. Tôi bỗng nhìn

ra nơi cánh cửa. Tôi thấy Thu đứng ở đấy. Hình như nàng sắp đi đâu. Nàng mặc một cái áo tím và lần đầu tiên tôi thấy nàng đánh sáp. Nàng nhìn tôi, mỉm cười và nói: « Xin lỗi anh, mấy giờ rồi, đồng hồ của tôi bị chết thành... ». Tôi xem giờ rồi trả lời nàng. Thu nói cảm ơn rồi ra đi. Chỉ có thế. Và tôi lại cầm lấy cuốn sách. Nhưng chẳng hiểu sao, tôi không đọc được nữa. Tôi có một cảm giác là lạ mà tôi cũng không hiểu là cái gì. Rồi tôi cũng mặc áo quần đi dạo phố. Đi giữa đường, tôi mới hiểu. Lần đầu tiên, tôi thấy Thu nhìn tôi với một ánh mắt khác thường. Cũng lần đầu tiên tôi để nhìn nàng một cái nhìn chan chứa. Và tự nhiên, tôi thấy Thu đẹp hẳn lên.

Cận lại im lặng nhốt ra trước. Một lát sau, tôi hỏi anh:

— Thế rồi sao?

— Bắt đầu từ đấy, tôi yêu Thu.

Cận bóp chặt hai bàn tay lại rồi nói tiếp:

— Có lẽ tôi mù quáng. Tại sao ngày trước, tôi lại không bao giờ thấy thế.

— Thấy sao?

— Từ ngày ấy, Thu biến đổi hẳn trước mắt tôi. Tôi thấy một cô Thu mới lạ. Một cô Thu xinh đẹp, vui vẻ yêu đời. Người nàng bỗng trở nên đầy đặn, nở nang. Tôi cũng không hiểu, nhưng sự thật là thế. Thu đẹp lắm. Nàng có những ánh mắt thật tinh tú, những nụ cười thật duyên dáng. Nàng ăn mặc và trang điểm rất thanh nhã. Trong cử chỉ, nàng có một vẻ trang trọng khá ái. Ngày trước, tại sao không bao giờ tôi thấy thế.

— Thế lúc bấy giờ, anh đối với nàng như thế nào?

— Từ đó ấy, tôi thường chuyện vãn với Thu. Nàng hay kể cho tôi nghe những chuyện về đời sống của nàng hồi nàng còn cha mẹ, những chuyện về gia đình, những kỷ niệm ngày thơ ấu. Tôi cũng mời Thu đi xem chiếu bóng, đi ăn.... Nhưng lúc nào cũng có một vài người bạn hoặc bà con của nàng cùng đi. Dần dần, tôi hiểu rằng Thu có một tâm hồn đa cảm nhưng đứng đắn. Nàng có óc thực tế nhưng cũng là một cô gái lãng mạn, nhiều mơ mộng.

Ngừng một lát, Cận lại nói:

— Có một điều, đó ấy tôi không còn thấy Thu đau tim nữa.

— Thế trước kia Thu đã yêu ai chưa? Anh có biết không?

— Có, trước kia Thu có yêu một người. Một buổi chiều tôi đi chơi về. Tôi có mua cho nàng mấy trái cam: nàng vừa bị cảm phải nghỉ mấy hôm. Tôi vào phòng đưa cam cho nàng thì nàng đang nằm ở trên giường. Tôi ngồi lại nơi cái ghế nhỏ, nói chuyện với nàng. Đêm đã xuống, nhưng trong phòng chưa mở đèn. Trong bóng tối âm thầm của căn phòng, nàng bỗng kể cho tôi nghe câu chuyện tình của nàng. Hồi ấy nàng là một cô gái mới lớn lớn, có tiếng đẹp ở một tỉnh miền Trung. Anh ấy là một sinh viên. Hai người yêu nhau. Mỗi lần đầu tiên của

Thu. Đến hồi chiến tranh, anh ấy đi kháng chiến. Sau đó mấy năm, anh ấy bỏ nhà, lấy một người khác.

— Chắc cô ấy đã phải đau khổ nhiều ?

— Thu không nói, nhưng hẳn là thế. Thu là người nhiều tình cảm, nhưng nàng có nghị lực và can đảm. Nàng thương đau sự hổng hớt của mình bằng một vỏ lụa thật rắn chắc. Nhưng tôi biết, Thu là người đa cảm.

Tôi cười nói :

— Còn anh, hình như anh cũng đa cảm lắm.

Cận im lặng hớp một ngụm trà, rồi anh nói :

— Hồi ấy, tôi có mượn của một anh bạn đĩa nhạc «Đêm Trăng» của Beethoven, bản nhạc mà tôi thích nhất. Những đêm sáng trăng, tôi thường nhớ nàng quay cho tôi nghe đĩa nhạc ấy vì tôi không có bản quay đĩa. Thu cũng thích bản nhạc ấy lắm. Tôi cũng có cho nàng mượn xem một cuốn tiểu thuyết của một văn sỹ Anh, cuốn tiểu thuyết mà tôi yêu nhất. Thu cũng rất thích cuốn tiểu thuyết đó. Ngày sinh nhật của Thu năm ấy, tôi có biếu nàng một cái áo màu xám tro. Nàng mặc cái áo ấy trông thật trang nhã, xinh đẹp.

Gần chừng nói, khoanh tay lại trước ngực, nhìn ra trước. Trên trời cao, vành trăng tròn vẫn chơi vơi. Ở giữa vườn, những đóa hồng hoa vẫn mơ màng êm đềm.

Im lặng một lát. Cận lại tiếp :

— Có những chiều tối, đi ngang qua trước phòng Thu, tôi thấy qua cánh cửa hé mở, trên chiếc giường rộng, tấm thân bình mảnh khảnh của nàng nằm sóng soài, lẻ loi, lạnh lùng trong bóng đêm. Có những đêm khuya, thức giấc một mình trong phòng vắng; tôi bỗng nghe từ bên phòng nàng, văng vẳng hai tiếng ho rời rạc, khô khan. Một đêm hôm ấy tôi đi chơi về, đã khuya. Tôi ngạc nhiên thấy rằng phòng nàng vẫn còn ánh đèn và một cánh cửa vẫn còn hé mở. Tôi nhìn vào. Nàng nằm ngủ thiếp ở trên giường, đầu nghiêng trên gối, cầm nơi tay một cuốn sách, hơi ỉu đều đều. Thì ra nàng đã ngủ quên từ lúc nào. Tôi đứng như thế, nhìn nàng. Tôi muốn đi vào, hôn lên trên cạnh tay nàng. Tôi muốn đem đến cho nàng sự sống của tôi, tình yêu của tôi.

— Thế lẽ tất nhiên Thu biết là anh yêu Thu.

— Cái đó đã hẳn nhiên.

— Thế Thu có yêu anh không ?

Cận bỗng quay qua nhìn tôi, từ từ cúi xuống, bàn tay mân mê ở trên bàn. Một lúc sau, anh mới nói :

— Tôi không biết.

— Sao lại không biết ?

Cận ngẩng đầu lên nhìn vào bóng trăng :

— Tôi còn nhớ rõ một buổi trưa hôm ấy. Tôi đi làm về và tôi vừa đi lên hết thang lầu. Tôi nhìn nàng và mỉm cười. Thu cũng nhìn tôi và

mỉm cười. Một nụ cười tươi tắn, như sung sướng và một ánh mắt gần như âu yếm. Có một buổi tối, tôi đang ngồi ăn cơm, Thu ngồi trước mặt tôi. Một lúc, không biết tôi nói điều gì, tôi bỗng thấy Thu nghiêng mặt về một bên, đưa tay lên chống lấy cằm và đôi mắt nàng cười, mơ màng, tình tứ.

Cận lại cúi đầu xuống, yên lặng. Tôi cầm bình trà rót đầy tách của anh.

— Tại sao lại đau khổ, anh Văn. Cận lại nói. Chính trong lúc mình hy vọng, mình cũng đã đau khổ rồi. Tôi đặt quá nhiều hy vọng ở Thu trong lúc tôi không có gì cả. Tôi cũng thấy cuộc đời tôi hấp bênh, vô định quá. Nhưng cũng chính vì thế mà tôi đã đặt vào nhiều hy vọng ở Thu. Nhưng tôi không biết tính, tôi không bình tĩnh như anh. Thật ra, nhiều khi tôi mất hết cả hy vọng. Tuy thế, tôi chưa đầy ba mươi tuổi. Tôi chưa biết hạnh phúc là gì.

— Nhưng rồi sau... ?

— Rồi sau, lẽ tất nhiên là tôi phải quyết định. Thu cũng thấy thế. Nàng bỗng trở nên lặng lẽ, như có vẻ suy nghĩ. Nhưng tôi thì không muốn kéo dài hơn nữa cái tình trạng chỉ làm tôi thất vọng. Tôi muốn có một cái gì chắc chắn ở tình yêu của Thu.

— Thế rồi sau ?

— Thu có một người anh bà con làm thuyền trưởng một chiếc tàu buôn. Đêm hôm ấy, anh ta mời Thu và tôi cùng với vài người bạn nữa, xuống ăn cơm ở dưới tàu của anh. Ăn cơm xong, chúng tôi đều lên hóng mát trên boong. Một lúc sau, mọi người đều đi xuống khoang dưới. Chỉ còn lại một mình tôi với Thu. Chúng tôi đứng tựa người nơi lan can, nhìn ra những cánh đồng bên kia sông. Thu mặc một cái áo màu xanh nhạt. Nàng có một vẻ trang trọng, yếu đuối. Tôi thấy đã đến lúc tôi có thể nói với Thu. Tôi ấp úng nói : « Thu, tôi có một điều muốn nói với Thu ». Tôi bỗng nghe bên tai tôi một tiếng nói dịu dàng nhưng có vẻ cương quyết : « Anh Cận, tôi thấy bình như anh không nhất định làm một việc gì ». Ấy thế, Thu nói thế. Trong lúc tôi định nói tất cả tình yêu của tôi đối với nàng thì nàng đem chuyện làm ăn ra nói với tôi.

Cận đưa bàn tay lên cằm, cận lấy một ngón tay. Rồi anh tiếp :

— Lẽ tất nhiên Thu có lý. Chỉ có tôi là ngu xuẩn. Anh biết tôi nói với nàng thế nào không ? Tôi nói như một người mê sảng : « Thu, tôi muốn trở nên một thi sĩ. Thu, tôi sẽ thành công. Tôi sẽ đem đến cho Thu những gì tôi mong ước, có thể đem đến cho Thu... ». Và như thế, tôi nói ra tất cả những lý tưởng, những mộng mơ xa xôi của tôi. Bỗng nhiên, như sự tỉnh, tôi quay mặt nhìn nàng. Dưới ánh sáng, tôi thoáng thấy nét mặt căng thẳng của nàng, ánh mắt kinh hãi của nàng. Lúc ấy, tôi mới thấy tất cả cái trống rỗng của những điều tôi vừa nói. Hai tay nắm chặt lấy bờ lan can, tôi nhìn xuống, nhìn xuống dòng nước trôi đi. Tôi muốn lao mình xuống

dưới ấy, lặng chim, biến mất. Tôi vừa thấy rõ sự thật. Tôi đã đánh vỡ tình yêu của tôi, hạnh phúc của tôi.

Nói xong, Cận ngồi yên, im lặng nhìn ra trước. Tôi mơ màng nhìn ngắm cảnh vườn. Thì ra Cận muốn trở nên một thi sĩ. Tôi mới vừa được biết như thế. Nhưng tôi cũng chẳng thấy ngạc nhiên là bao.

Uống một ngụm trà, tôi lại hỏi Cận :

— Thế cô Thu không nói gì ?

— Thu vẫn nín lặng, đứng yên. Vừa sau đó, mấy người bạn trở lên. Một lát sau, chúng tôi trở về.

— Thế rồi sao ?

— Tôi cố gắng sống với Thu như đã không có gì xảy ra. Hai tháng sau, Thu trở về Trung. Thu có người anh ở ngoài ấy.

Một hồi sau, Cận lại nói :

— Tôi chỉ muốn quên, anh Văn. Nhưng, hồi chiều. . .

— Hồi chiều thế nào ?

— Hồi chiều, tôi gặp một người bạn gái của Thu. Chị ấy nói với tôi rằng, chị biết Thu yêu tôi. Thu yêu tôi từ năm đầu, từ lúc tôi đến ở cạnh Thu.

Chúng tôi ngồi yên, im lặng, trong bóng trắng. Nơi góc vườn, những cánh hoa bưởi trắng vẫn chầm chầm chìm chìm cười trong bóng lá. Tôi không biết phải nói gì với Cận. Tôi muốn ôm úi anh. Tôi cầu mong cho anh có thể trở nên được người thi sĩ mà anh mơ ước. Nhưng tôi cũng muốn cho anh khỏi phải sống cô độc như thế.

Bỗng có tiếng Thủy ở trong nhà đi ra. Nàng đến đứng cạnh tôi rồi nói với Cận :

— Anh Cận tối nay ngủ lại đây nhé. Tôi đã làm mũng cho anh cơm đi-vàng rồi.

Cận đứng dậy vừa nói :

— Thôi cảm ơn-chị. Tôi cần phải đi bây giờ.

— Còn sớm, ngồi chơi đã, đi đâu vội, tôi nói.

— Thôi thôi, cũng đã khuya rồi.

Thủy lại nói :

— Thế chưa nhậi anh xuống chơi. Xuống đi vò quả với chúng tôi.

— Vâng, chưa nhậi tôi sẽ xuống. Thôi, xin phép chị.

Cận bắt tay tôi rồi bước nhanh ra ngõ. Thủy nhẹ nhàng đặt bàn tay nàng lên vai tôi. Nàng hỏi :

— Có chuyện gì không, anh ?

Không hiểu sao, tôi nói :

— Không, chẳng có chuyện gì.

Và tôi nhìn theo bóng Cận thấp thoáng trong bóng trắng ngoài hàng dậu.

NHẬN XÉT VỀ HỘI HỌA TRỪU TƯỢNG

THAI TUẤN

CHÚNG TA không thể thưởng thức một bức tranh bằng tai, và chúng ta cũng không thể nghe một bản nhạc bằng mắt trừ ra khi nào tranh làm bằng âm thanh, và những bản nhạc làm bằng màu sắc. Cho nên nói đến nghệ thuật hội họa là nói đến hình thể và màu sắc. Và nói đến hình thể, màu sắc là nói đến thiên nhiên, tạo vật trên trái đất hiện chúng ta đang sống. Tư tưởng chúng ta dù trừu tượng đến đâu, khi làm việc về hội họa chúng ta cũng bắt buộc phải biến nó thành đường nét, màu sắc. Đường nét và màu sắc ấy phải vay mượn của thiên nhiên, tạo vật tự chúng ta không thể có được đường cong hay nét thẳng, màu xanh hay màu vàng đều chứa đựng trong thiên nhiên. Một tác phẩm hội họa phải là một sản phẩm của tư tưởng của tình cảm và đồng thời cũng là sự kết luận của thị giác. Chúng ta chỉ có thể diễn đạt những cái trừu tượng, bằng những vật liệu rất thực. Một bức tranh không phải chỉ có những đường nét mơ hồ, những hình thể huyền ảo mới diễn đạt được cái trừu tượng. Có thể trong một bức họa có những hình thể rất rõ ràng, thí dụ một bức chân dung vẽ đủ cả chi tiết nhưng nó có thể diễn tả một tư tưởng hết sức trừu tượng. Không phải muốn diễn tả một ý niệm, một tư tưởng chúng ta phải vẽ người trong tranh chỉ có một mũi hay ba cái mũi là có thể thành công. Cũng như chúng ta muốn diễn tả một thực tế, không phải chúng ta cứ vẽ đầy đủ mọi chi tiết như một cái máy ảnh là đã nắm được hết sự thực. Trong địa hạt hội họa nói đến diễn tả không phải là chép lại thiên nhiên, nhưng không phải vì vậy mà ta có thể chối từ mọi hình thể của thiên nhiên. Chúng ta không bắt chước thiên nhiên, nhưng phải vay mượn những hình ảnh của thiên nhiên để diễn đạt. Trong sự vay mượn, tất nhiên là có sự biến đổi. Chúng ta biến đổi thành những của cải riêng của chúng ta, biến đổi sắp đặt lại một phong cảnh tâm thường, theo lý tưởng của chúng ta, theo nhận xét chủ quan của chúng ta. Họa sĩ Gauguin xuất một đời đi tìm những cái đẹp trên đảo Tahiti, xuất một đời săn đuổi những hình ảnh hoang vu, những thơ mộng của hòn đảo. Họa sĩ đã đến và đã sống ở đó để tạo nên những tác phẩm bất hủ. Nếu họa sĩ đến trên đảo để vẽ đúng như một cái máy chụp hình thì chắc hẳn đã thất bại. Và nếu cứ ngồi nhà mà muốn diễn tả cảnh trên đảo thì chắc chắn cũng khó lòng mà thành công. Sự tự do của nghệ sĩ cũng có giới hạn. Vì nghệ sĩ không phải là ông trời. Tất cả vật liệu, vật chất để xây dựng tác phẩm đều do (thiên nhiên, tạo vật và tình cảm) cung cấp. Chúng ta chỉ có việc nhận lấy để hoàn thành công việc với

mọi thứ (từ tưởng trừu tượng, nói mọi thứ tưởng tượng).

Giữa nghệ thuật hội họa và thực tế vẫn luôn luôn có sự liên hệ. Hội sĩ không thể xóa bỏ đến gốc rễ mọi thứ trong vũ trụ, thiên nhiên để tạo ra một cái mới. Và chắc chắn không ai nghĩ tới việc đó, vì chính mọi bức họa cũng đã là một thực thể, vật chất. Hiện nay trong thế giới hội họa có những sự tranh luận gắt gao giữa hai luồng tư tưởng. Một bên chủ trương muốn diễn đạt tư tưởng trong một tác phẩm hội họa cần phải có những hình ảnh thông thường, cụ thể, mọi người có thể nhận được, ví dụ : muốn diễn tả một tâm trạng buồn rầu thì phải diễn tả qua một con người, hay một cảnh vật nào đó v.v... Nhưng, con người mà nghệ sĩ mượn để tả tâm trạng mình phải là một con người thường như mọi người (không phải là một quái thai ba đầu, sáu mắt) qua cái hình ảnh con người đó, nghệ sĩ phải làm thế nào cho người thưởng thức tranh thấy được cái tâm trạng buồn rầu.

Một phái chủ trương rằng : diễn tả một trạng thái tâm hồn, một tư tưởng là những thứ trừu tượng, thì tốt hơn hết là dùng những đường nét, hình thể không nói lên một hình ảnh nào giống với thiên nhiên (hình thể không hình ảnh). Trong bức họa người xem không cần phải thấy cây cối, nhà cửa, con người, nhưng chỉ nhận thấy một màu sắc, đường nét. Và qua những thứ đó sẽ nhận thấy một tâm trạng buồn rầu mà họa sĩ muốn diễn tả. Hai phái đó, phái nào có lý hơn. Thực khó mà quyết định nhưng chúng ta thử tìm hiểu trong mỗi phái đã suy luận như thế nào khi chủ trương như vậy.

Phái thứ nhất, chủ trương phải mượn hình ảnh của thiên nhiên, của cuộc đời để diễn đạt những điều mơ hồ mong muốn diễn tả. Chủ trương như vậy là họ đã căn cứ vào cái nhìn của con mắt, của thị giác để mang đi từ cái vô vật chất bên ngoài vào cái phần trừu tượng vô hình bên trong.

Phái thứ hai chủ trương rằng không cần đến hình ảnh thiên nhiên vì họ căn cứ vào cái nhìn của tâm hồn, của bên trong tư tưởng. Họ mong muốn đi trực tiếp từ bên trong, từ cái phần trừu tượng vô hình đến tư tưởng của người thưởng thức. Khi xem một bức tranh của nhà danh họa Picasso. Dưới bức họa một dòng chữ chú thích : « người đàn bà mặc áo xanh ngồi trên ghế bành » Christian Zervos đã có thêm lời phê bình như sau : « Quái vật, người ta đã bảo như vậy, quái vật rất có thể, nhưng đẹp một cách kinh khủng và thật là nhân loại với một cách nhìn sâu sắc và tàn nhẫn. Tôi thấy bức tranh tuy vậy vẫn căn cứ vào hình ảnh của thiên nhiên để biến đổi theo ý muốn. Vì trong đó người xem tranh có thể nhận thấy mơ hồ hình ảnh một người đàn bà (dù không có đôi vú quay nghiêng vừa nhìn thẳng) mặc áo xanh với chiếc ghế bành. Bức tranh đã làm tôi suy nghĩ nhiều. Khi sáng tác bức họa Picasso đi từ cái nhìn bên trong, cái nhìn của tâm hồn để diễn tả. Nhưng người xem tranh vẫn phải dùng thị giác để thu nhận. Cái nhìn bằng tâm hồn của Picasso,

May mắn ra mà thu nhận được, thì cũng phải xây dựng lại bằng tư tưởng một hình ảnh quen thuộc của thị giác. Nghĩa là sáng tác về hội họa dù là trừu tượng hay cụ thể cũng phải đồng đến thị giác và vận dụng đến cái nhìn của tâm hồn. Con mắt là một căn gác cửa. Nó làm được việc hay không là do tâm hồn ta huấn luyện cho nó, nếu không, bất cứ một người khách nào tới nó cũng sẽ đưa vào để tâm hồn ta tiếp chuyện.

Nếu họa sĩ sáng tác không cần đến các màu sắc mà chỉ dùng đen trắng để diễn tả, thì có lẽ sự lệ thuộc vào vật chất sẽ giảm bớt đi một phần nào. Có thể thu gọn một hình thể và một tâm hồn vào một bút chì như Matisse đã làm. Sự giản dị hóa lối vẽ không phải là mục đích của nghệ thuật, nhiên khi nó chỉ là một phương tiện để giúp cho thị giác nhận thức dễ dàng mau chóng. Nhưng đơn giản hóa trong nghệ thuật hội họa cũng có giới hạn. Không phải chỉ vẽ đen trắng, hay là dùng rất ít nét (đơn giản hóa sự vật đến một mức cùng) là họa sĩ có thể diễn đạt dễ dàng. Họa sĩ cũng không phải là một kẻ đầu bếp khéo cần phải nhớ những công thức pha màu thật cần thận để đánh thành những nước sôi đỏ, nước sôi xanh. Rồi cứ thế philet lên tác phẩm, để tạo nên những cân đối hòa hợp về màu sắc theo một của một thời đại, mà chẳng diễn tả nổi một cái gì.

Cho rằng lối vẽ trừu tượng là một cách đơn giản hóa sự vật là nhầm. Không phải chỉ có bóng tối và ánh sáng mới tạo nên được bề sâu và bề dày của mọi vật. Những đường nét không, cũng gọi cho ta cảm thấy bề sâu, bề dày của sự vật. Những hình thể, màu sắc ở trong một bức họa, không cốt để đánh lừa con mắt, nhưng chỉ cốt gọi cho trí tưởng tượng của người xem tranh được phong phú hơn và đúng với mức mong muốn của nghệ sĩ.

Hồi nhỏ tôi đã từng nghe một câu chuyện: một họa sĩ vào trọ ở khách sạn, khi đã hết tiền bèn vẽ vào tường cái va-ly, rồi gọi ông chủ khách sạn đến chỉ cho ông ta. Ông chủ tưởng là một chiếc va-ly thật, nên để cho họa sĩ gửi lại. Va-ly vẽ mà tưởng là va-ly thật thì kể ra cũng tài tình. Nhưng như vậy có phải chăng là nghệ thuật. Theo tôi tưởng, đúng hơn nên gọi là ảo thuật chứ không phải nghệ thuật.

Nói đến hội họa là nói đến sáng tạo. Sáng tạo không phải là chép lại sự vật, bắt chước đúng như thiên nhiên, vì nói đến sự bắt chước là nghĩ đến chuyện « làm giả ». Làm bạc giả, làm rượu giả, thuốc giả hay giả thiên nhiên thì cũng vậy. Tác phẩm hội họa nào cũng bắt buộc phải gồm có một phần rút ở sự thực và một phần lý tưởng. Vậy, cái phần thực ở hội họa là gì? Thí dụ một bức họa vẽ một người. Sự thực ở đây không phải là con người bằng xương bằng thịt nhưng chỉ là hình ảnh của con người nói chung. Nghĩa là khi họa sĩ nhìn một người nhìn lấy cảm xúc do con người đem lại, cộng thêm vào đó phần ứng của tâm hồn mình, tư tưởng mình. Đó là cái thực, một cái thực chủ quan. Cái phần thực hai là cái phần lý tưởng. Khi để thu nhận được cái phần

thực của chủ quan mình thì trí tưởng tượng của nghệ sĩ nương theo đấy, lấy đấy làm cái điểm khởi hành để xây dựng, và thực hiện một ý niệm, một lý tưởng mong muốn. Bởi vậy những ai nghĩ rằng sáng tác một bức họa theo lối trừu tượng, không cần đến cái thực, bất chấp cả thiên nhiên, tạo vật là nhầm lẫn. Không phải rằng: với một số màu sắc rực rỡ, với một số dụng cụ đầy đủ và với một đầu óc tưởng tượng là có thể tạo nên được một tác phẩm trừu tượng. Một bức họa (nếu có thể gọi được như vậy) bởi bác trong trường hợp như vậy chỉ có giá trị ngang với một lá bùa của một ông pháp sư.

Sáng tác theo lối trừu tượng cũng không phải là tách rời trái đất, cuộc sống của nhân loại để nhẩy lên thượng tầng linh khi mà làm công việc nghệ thuật, hội họa. Nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng không quên nguồn gốc mình trên mặt trái đất. Sở dĩ họ có tạo ra, một thế giới mới lạ, thì cái (thế giới đó cũng bắt nguồn ở cái thế giới hiện tại họ đang sống. Những nhân vật dù có kỳ quái đến đâu do sức tưởng tượng của họ cũng không phải là những bóng hình hoàn toàn trừu tượng. Những nhân vật quái đản như của Chirleo hay của Picasso thì cũng vẫn mang nặng hình ảnh của muôn loài trên trái đất. Những nhân vật đó nghệ sĩ đã phải trải đường bằng máu, bằng óc của mình để được nhào nặn trong một thực thể vật chất. Họ chẳng bao giờ có tư tưởng quá điên rồ là cạnh tranh với Thượng Đế để rồi phá sản trong nghệ thuật. Làm thế nào cho mình có một quyền năng như Thượng Đế, để kéo ở quãng trống không ra một thực thể vật chất, một hình thể, một màu sắc hay một tư tưởng. Giới lắm, thì họa sĩ cũng chỉ có thể tiếp xúc với chính cái thế giới mà họ đang sống và thêm cho nó những nhân vật mới lạ, gợi ý cho nó một sinh hoạt lý tưởng; dùng cái của nó sẵn có, mà trả lại cho nó sau khi đã được biến đổi. Ở trong một cái thế giới mới do họa sĩ tạo ra, các nhân vật kỳ dị mà họa sĩ thả vào đấy dù có được một số người đời hoan nghênh tới đâu, thì bao giờ cũng chỉ là câu chuyện « những mẫu mực để thí nghiệm ». Tác phẩm bao giờ cũng để lại những dấu vết bất lực và cố độc cho kẻ sáng tạo.

THÁI TUẤN

TẠI SAO KHÔNG ?

Phải chăng đời người đẹp những chuyến tàu không bao giờ có vé
Những chuyến tàu mệt mỏi không có lấy một nhà ga
Cửa sổ toa mở ra khung trời siêu hình tiếp không khí
Những tiếng máy phông huì lặn dưới mặt các ngôi sao
Đôi vì chúng nó ném bạo tàn vào lòng người cũng như đôi rách
vào thành phố
Buộc những kẻ ngây thơ cầm vũ khí giết ngây thơ
Chúng ta cúi đầu trả đất giá khi trời
Ngón tay bặt móng và cổ họng thất thanh
Cuộc đời phải chăng là vườn tược cấm oằn trĩu trái đau khổ
Mà các dấu răng cắn không riêng gì của Adam
Dấu chúng ta đốt rừng hoang làm rẫy bãi
Cắt nhà thương học đường thư viện trắng cấp cối đục bờ sông
Dấu chúng ta sống như câu ca dao kể một chuyện tình
Đề tin sự hứa hẹn của một ngôi nhà có trẻ con
Dấu chúng ta mong gửi gắm kỷ niệm cho vườn hoa bằng cúc buổi
hẹn hò
Hay đi dạo trong đồng cỏ lụa là vào những chiều rộng rãi
Nên chúng ta hỏi thăm nhau tại sao và tại sao không ?

TÔI

Tôi là Tô Thùy Yên là thi sĩ là người chép sử tương lai
Vốn học hành đang dở nên ra đường bỏ cuộc đời ngộ xuống hư vô
Khi mùa hạ đổi bình lên những hàng đuốc phượng
Từng làm ít nhiều chuyến đi vì sinh kế hay vì giảng hồ bằng xe
hơi xe lửa hoặc bằng chân.
Đã trải qua vài ba cuộc tình duyên bao giờ cũng đáng buồn nên
không thích kể.
Có sống ngoài chiến khu nên rồi bỏ Việt Minh
Đến cuối lời ngỏ ca cuộc đời xic sê anh em ái tình thục trị
Và chỉ cuối lời ngỏ ca cho người sành điệu muốn nghe
Cha mẹ tôi cho con linh linh rộng rãi. Tôi cho thêm tôi một
chất ngang tàng
Nên coi tâm hồn là một cánh đồng không cấm đoán không mời mọc
Người ta tự do ra vào và toàn quyền chặt phá hoặc nâng nân
Nên tôi làm thơ theo ý riêng tôi. Còn báo chí có thông lệ đăng bài
khi lên người trích lục

Và họ bảo sao vệt Cánh Đồng Con Ngựa Chuyền Tàu ? Họ chỉ
 được mặc suốt đời mỗi bộ đồng phục
 Còn làm thơ theo ý riêng lời nghĩa là dịch thuật làm hồn nghĩa là
 nói về con cháu chúng ta

Nghĩa là ngợi ca loài người hiền hậu

Nghĩa là thức giấc dân đông rời loạn chống cường quyền

Nghĩa là nghe ngóng nơi đại dương còn thêm thiếp cuộc sửa soạn
 đắm thắm cầu bao cơn sóng cuồn cuộn dữ

Nghĩa là có mặt trong mọi hành vi lớn nhỏ của đời mình

Nghĩa là giúp mọi người sống đủ hai mươi bốn giờ mỗi ngày nghĩa
 là giúp họ tìm thấy họ.

TÔ THÚY YÊN

CẢM XÚC

Tôi ghen buồn đêm bệnh viện
 Lặng lạnh nhà riêng trống
 Người bệnh thiếp lần chần
 Mắt im với làn thở
 Phút cuối đẩy đưa chốn giường

Tôi mang cười đêm bệnh viện
 Nhạc khúc vô tội
 Hồn sơ sinh

Nàng nua tay mẹ cành xuân
 Chà vò dương thế

Chết sống kẻ vai
 Bình xuôi những chuyến đời

Người bỏ hành bồ nữ
 Lạc hướng ngọc lệ hoa rơi
 Đốt lửa tìm
 Đời trọn vẹn trong mắt.

TRẦN THANH HIỆP

SỚM MAI

THANH TÂM TUYỀN

THỜI THƯỜNG tôi dậy muộn ; ít nhất cũng phải bảy tám giờ sáng mới mở nổi mắt. Hôm nay lúc tôi thức giấc còn tối thui. Với tay lên bàn để ở đầu giường lấy cái đồng hồ, tôi biết chẳng thể lìm lại được giấc ngủ. Màu xanh da trời chỉ dùng bốn giờ. Năm yên một lát tôi đành ra khỏi giường.

Tôi thức dậy vì một giấc mơ êm đềm và đau đớn. Trong mấy năm gần đây — tôi biết mình mắc bệnh thần kinh — giấc ngủ của tôi hằng ngày rất mệt nhọc, sao trọn những hình ảnh hung dữ quái quái. Hiếm khi giấc mơ hiền từ trọn vẹn một mình nằm với tôi như buổi nay. Bởi thế tôi đau đớn. Người tình cũ — đã lập gia đình, đến thăm tôi. Nàng ngồi nói chuyện cùng tôi thật lâu, hỏi thăm về sự nghiệp của tôi, con đường tôi theo đuổi. Tôi nhìn nàng đã có mang đứa con thứ hai tôi hỏi :

— Em sắp sinh đứa con thứ hai ?

Nàng mặc áo dài đỏ và khoác áo choàng trắng mỏng. Tôi nói tiếp :

— Em sẽ sinh con gái nhé, lần trước con trai rồi.

Rồi nàng ra về lúc nào tôi không rõ. Tôi mặc quần áo và đuổi theo nàng, gặp ở cuối phố. Nàng đi cùng mấy đứa em nhỏ. Tôi kêu nàng và muốn nàng trở lại nhà tôi để tôi tặng nàng một cuốn sách của tôi. Nàng nói với các em :

— Đợi chị một phút.

Tôi liền đến gần và nói :

— Đợi chị hai phút.

Tôi giơ hai ngón tay làm dấu. Nhưng khi sát gần mặt nàng thì đó là bộ mặt đàn ông đáng ghét — hình như một đứa bạn của tôi — Chúng tôi quay về nhà. Tôi nói :

— Rồi anh sẽ đưa em ra xe.

Nàng trả lời :

— Không thể được.

Tôi bước lên cầu thang nặng nhọc không hiểu nàng còn theo sau không. Mở tủ kiếm sách, tủ trống trơn. Tôi quơ tay trông cái trống trơn ấy để tỉnh dậy.

Giấc mơ khiến tôi buồn nhiều hơn vì gần đây tôi cũng vừa yêu một người đàn bà có chồng. Chúng tôi chỉ gặp nhau hai ba lần rồi thôi, một vài câu chuyện tâm sự hoặc quá nửa — theo trí tưởng tượng của tôi — một vài giọt nước mắt.

Tôi nằm xuống sàn gạch cho người thân thả. Tôi biết hẳn và

nguyên rủa cái kiểu ngạo đần độn của tôi. Lần thứ nhất được yêu, tôi lại mê mải chạy theo những biến chuyển bên ngoài — những biến chuyển lịch sử — tყ cho mình cái nhiệm vụ dự vào lịch sử. Mỗi tình trạng với bốn bức thư dài lha thiếi xau xé. Người tình vừa đến thăm tôi trong giấc mơ, tôi quên vì còn bận chui đầu vào sự giấc ngộ lo lớn của người tri thức, kẻ cầm bút. Sau những phôi diễn cuồng của hành động, bây giờ tôi rơi trọi hai bàn tay trống không. Lịch sử : nào tôi biết được gì hơn ? Tất cả vụt ra ngoài tầm sức của cái cá nhân hèn mọn. Tôi thường ngủ với sự bơ vơ giữa sa mạc. Nếu có điều gì tôi giấc ngộ nhất thì đó phải là : sự giấc ngộ đưa tôi đến cảm giác cô độc vĩnh viễn (Người ta hỏi : Còn những người bạn đường ? Mỗi người là một cô độc, được nối liền với nhau. Dùng tìm cách hòa tan sự cô độc, đó là một định luật. Âu cũng là cái nghiệp như vậy. Tôi viết dòng này sau buổi sớm mai).

Để thoát ám ảnh, tôi ra khỏi nhà. Trời mờ mờ. Cây ôi lao xao. Từ xa tôi trông thấy ánh đèn cái hàng quán độc nhất trong xóm đã tắt, nhưng cửa vẫn đóng. Tiếng kéo nước ngoài giếng — người ta kéo bằng giây luồn qua ròng rọc. Tôi chắc cái ròng rọc quay tu. Khi qua giếng tôi gặp người gái điếm kéo nước một mình, áo hoa lớn không rõ màu — trời chưa sáng — quần lãnh đen. Cô làm việc hăng hái, tiếng nước đổ xuống thành giếng thật vui. Thấy tôi qua cô cúi đầu chào và bắt buộc tôi phải đáp lễ. Tôi vẫn khó chịu vì sự có mặt của một người gái điếm ở trong xóm. Một lần cô sang nhà tôi hỏi mượn cái kềm, tôi đã sẵn giọng cự. Tôi thường gặp cô ở trên phố áo mặc đầm đũa đón khách và tôi đã có ý muốn cô bị bắt nhốt cho rồi.

Gió mát lạnh, người gái ấy vẫn kéo nước. Có tiếng thông sát đặt xuống và những lời nói chuyện tự nhiên. Lòng tôi dịu lại và phôi thử không khí buổi sớm. Tôi nhận rằng không còn gì thấi mắc về sự có mặt của cô gái điếm trong xóm nữa.

Tôi đi sát vào một cửa sổ đầy ánh sáng. Một cậu học trò cầm cùi làm hai vở, kỳ thi sắp sửa đến rồi. Trong một căn nhà lá thấp, tiếng tụng kinh đều đều già cả. « Đại từ đại bi », « Cửa khờ cửa nạn ». Tôi tự hỏi tại sao tôi chưa là người thân thuộc của cả khu xóm nắng nhỏ này.

Ngoài lộ hàng quán đã mở. Dưới ánh đèn người ta quây quần xung quanh ly cà phê. Tiếng ri rầm và thỉnh thoảng lẫn tiếng nổ của xe máy. Những chuyến xe thổ mộ chắt chắt đến mũi nang một ngọn đèn dầu phía trước chạy thẳng thẳng. Vó ngựa dồn trên nhựa. Những chuyến xe đồ từ tỉnh xa về ngang — có lẽ là những chuyến đầu tiên — trên xe đèn sáng và hơi biết mấy. Tôi nhớ ngày bỏ Biện Hòa về đây, tôi đã ngồi trên chuyến xe thổ mộ cũ kỹ nào với vài môn hành trang đi vào trời còn đêm. Khoảng bốn giờ sáng, bác xe được dẫn hôm trước

lời đánh thức tôi. Chúng tôi qua những vượn cao xuối, những con đường ngoằn ngoèo cào thấp cũng với ngọn đèn tù mù treo bên lũy xe. Tiếng khếch khếch trong miệng người đánh xe và những ngọn roi vút lên mãi thốc nghe lạnh lạnh. Tôi ngủ gà gật và đến nơi trời vừa sáng. Kỷ niệm thức dậy như những lá cây bắt đầu xòa ra. Trời dần sáng. Qua sân vận động — một miếng đất hoang mới được phạt cỏ và trồng sơ sài vài cây đu — người ta chơi trần lạp thê thao và đá banh. Tiếng banh dội khỏ kháo trong khoảng trống lớn của ban mai.

Tôi còn đi một vòng lớn của ngoại ô này. Nhiều lớp nhà ngủ ngon lành bên đường nhỏ và hẹp quanh. Nhà nào cũng đều có hàng đậu và cây cối. Lá cây thì xanh tươi và no gió. Tôi thích thú với ý nghĩ khi ngó cái nương xum xuê cỏ ướt : làm sao tôi không ngủ ở đây mà ngắm trời sao. Trở về nhà, tôi xối nước tắm ào ào. Nước lạnh đánh thức tôi lần nữa : tôi nhớ hôm nay ngày chẵn nhật. Tôi sẽ lên thăm đũa bạn có bộ mặt đóng ghê hiện lên trong giấc mơ êm đềm và đau đớn.

THIANH TÂM TUYỀN

CON THUYỀN GIẤY

KIỆM MINH

SAU khi phim *Le Ballon Rouge* chiếu nhiều lần ở đây, tôi được thấy một chuyện hơi ngộ nghĩnh xảy ra : một số người lớn đua nhau mua bong bóng màu đỏ cho con nít chơi.

Người ta đã hiểu rất gọn một chuyện phim rất thâm thúy. Nhiều ký giả điện ảnh cũng chỉ cho rằng *Le Ballon Rouge* là một phim của nhi đồng ; theo họ, đó là một phim có ý nhắc nhở cho các bậc phụ huynh nên để ý đến những niềm vui thích của các em tuổi nhỏ.

Dưới mắt tôi, tôi thấy rằng *Le Ballon Rouge* là một phim triết-lý.

Em bé trong phim có khuôn mặt dễ thương quá. Em bé đó là hình ảnh của mỗi chúng ta, sống mà có ôm ấp một cái đẹp, để rồi tìm được nó và muốn cầm giữ lấy nó mãi. Vì nó cũng rất cần thiết cho cuộc đời của chúng ta.

Những bước chân chạy rộn vang tiếng đế giày của em bé trên đường, ấy là tiếng đáp của trái tim chúng ta khi chúng ta vớ mang theo ở tâm hồn mình một niềm vui nào đó : một mối tình, một hoài bão, một ánh sáng của tương lai loé lên ngay trong hiện tại. Chúng ta nuôi cái niềm vui đó, làm cho niềm vui đó càng ngày càng sáng lên trong lòng chúng ta. Mỗi chúng ta đều không muốn có kẻ nào khác chà đạp lên niềm vui của mình. Chúng ta muốn được mang nó mà đi giữa cuộc

sống để mà cười trong mắt, để mà cười trên môi, cười hăng cả trái tim chúng ta. Tôi nghĩ rằng người không ôm ấp một cái gì sáng sủa trong hồn mình sẽ thấy mình già cỗi, người đó mới chính là người cô độc dù cho đi giữa sự náo nhiệt của đại lộ.

Hồi tôi còn nhỏ, tôi thường xếp thuyền giấy để thả trên một sông. Nhìn thuyền trôi, tôi tưởng nó đang đi mang tôi theo để cho tôi quên những giờ phút buồn đau, những điều phiền khổ mà tôi thường gặp phải. Nhìn thuyền trôi, tưởng nó đang đi vừa mang tôi đến một chân trời tươi thắm.

Thời đó, có một cô bé cười rung cả lúc đẹp khi nhia tôi thả thuyền trên mặt sông. Cô bé ấy mở còi, ở với một người chị họ, mặt thường rất buồn, trừ phi lúc nhìn thuyền giấy của tôi chập chờn trên mặt nước.

Tôi còn nhớ một hôm cô bé nói :

— Nhưng muốn chiếc thuyền đó chở Nhung đi !

Bấy giờ đôi mắt Nhung sáng lên, sáng lên hơn bao giờ cả. Gió buồm mai thời tốc của Nhung bay bay. Gió thổi tốc Nhung, nhưng tôi cho chính niềm vui đang đùa với những sợi tóc của cô bé. Bởi vì nơi con thuyền giấy có mang theo cả một sự-lên-đường đẹp như màu trắng và sắc xanh. Thế rồi mưa xuống, và thuyền chìm. Tôi đứng ngày người nhìn con sông không còn xanh nữa. Tôi biết Nhung buồn, buồn lắm, bởi vì tôi cũng đang buồn, buồn lắm. Con thuyền giấy là một mộng tưởng của thời thơ ấu.

Càng lớn lên, tôi càng có nhiều mộng tưởng khác, đứng đắn hơn, đẹp đẽ hơn. Và, luôn luôn muốn cho mộng tưởng đẹp thành sự thực đẹp để rồi trên sự thực đẹp đó, nghĩ đến một mộng tưởng khác.

Ôi ! không biết đã bao lần rồi lòng niềm vui một của đời tôi bị chìm lìm đi ! Tôi thường nghĩ đến Nhung và thường cầu mong cho đời Nhung được sung sướng. Hạnh phúc của con người xin đừng quá mong manh như con thuyền giấy dưới cơn mưa lũ !

Nhưng, nếu mộng tưởng, nếu những điều đẹp đẽ mà một người ôm ấp bị phá phách, bị chà đạp bởi ai khác, thì chúng lại càng trở thành to lớn hơn trong tâm hồn của người đó.

Tôi nghĩ rằng nếu suốt đời một người không bao giờ thực hiện được mộng tưởng đẹp của mình thì người đó sẽ cứ ôm mộng tưởng đẹp ấy cho đến không gian. Thế cũng đủ rồi. Như chú bé trong *Le Ballon rouge* không bao giờ bỏ cái đẹp mà chú đã tìm được.

Thật ra, con thuyền giấy trong ngày xưa của tôi không bao giờ chìm cả. Con thuyền giấy đó, thỉnh thoảng tôi lại bắt gặp nó trôi nhẹ nhàng trên một con sông tâm tưởng mà bao nhiêu trận mưa gió lớn của cuộc đời đều chỉ là vô nghĩa.

NGUỒN RUNG CẢM TRONG VĂN NGHỆ ÁN ĐỘ

TRẦN THANH HIỆP

*« Nhưng kẻ nào nhìn ta qua hình tướng, nghe ta qua âm thanh,
Nhưng kẻ ấy đang cố sức đi vào lầm lạc,
Sẽ chẳng bao giờ thấy ta ».*
(Trích Vajracchedika)

TÔI không phủ-nhận rằng vấn-đề sắp được bàn tới, có một phạm-vi hết sức rộng lớn. Và, một chuyến viễn-du, vài cuộc viếng thăm, mấy cuốn sách chưa thể là tất cả sự thật. Nhưng, có một ý-nghĩa đòi hỏi nó được trình bày — tất nhiên là không trọn vẹn — trong khuôn khổ mấy trang giấy.

Lịch sử đã đặt vào tay văn-nghệ-sĩ Việt-Nam một cơ-hội để họ chứng tỏ chân-giá-trị không vắng thiếu ở họ. Đó là một công việc nặng nhọc, lý tưởng, mà người ta có thể gọi là một sứ-mệnh — danh-từ không được dùng như một sáo-ngữ — nhằm mục đích chiếu tỏa trong đêm dài đời sống những ánh sáng của sự sống. Không ai lại tin được rằng trách-vụ ấy chỉ đòi hỏi những tâm-tư vụ-lợi, những công-thức rung cảm chết hay nhiều khái-niệm sơ đẳng. Tôi còn nhớ trên một tờ báo hàng ngày, Trọng-Lang đã nói (và đã làm) thay cho nhiều người : *« Phải nhúng ngòi bút vào máu của mình mà viết »*. Máu đây không phải thứ nước mẩn mẩn sắc đỏ tươi chảy ra từ lòng trái tim mà là sản-phẩm của nó : sự sống. Như thế, mới có được sự-nghiệp đấu-tranh, xây-dựng văn-hóa thật sự và người cầm bút mới chẳng bao giờ tui nhục hồ-thẹn.

Trước những hành động ấy, câu chuyện của tôi dù thô-thiển, thiếu sót, vẫn không hẳn là vô-dụng. Nhất là nó cũng chỉ được coi như cái thao thức của những người nằm mơ, trần trọc với ác-mộng.



Người ta thường lầm lẫn gán cho nghệ-thuật một mục-dích hết sức tầm thường : « bắt chước » bằng cách ghi chép trung thành sự vật. Đồng thời người ta còn muốn dựa vào quan-niệm đó để quy-định tiêu chuẩn phê phán giá-trị nghệ-thuật.

Xét cho kỹ, quan-niệm ấy không thể chấp nhận được vì nhiều lẽ. Nếu chỉ cần « chép lại » sự thật thì rõ ràng là đã tốn hơi sức để làm một việc thừa : cảnh, vật, người đâu mà chẳng tìm thấy, hà tất còn phải cần đến sự giúp sức của nghệ-thuật ? Và chẳng khả năng ghi-chép

và diễn-tả của nghệ-thuật không bao giờ đủ tinh-tế khả dĩ theo kịp thiên nhiên. Để tìm một thí-dụ, có thể liên-tưởng đến việc con vẹt nháy nhót trong chiếc lồng bập bọ mấy tiếng : « Có khách, có khách ! ».

Nhưng tại sao nghệ thuật, như thực tế đã chứng minh, lại có một giá trị đặc biệt như vậy ? — Bởi vì nó có một thế giới riêng, thế giới của mỹ cảm không đồng nhất với thực-tại mà siêu-thực. Chỉ có những bộ óc non nớt, những tay phù-thủy chính-trị mới từ chối không công nhận điều đó.

Lịch-sử nghệ-thuật của Ấn-Độ với những đặc-tính của nó đã cống hiến cho lịch-sử nghệ-thuật nhân-loại những trang chói lọi.

Nhìn những tác-phẩm trình-bày nữ-thần Durga với mười cánh tay, thần Siva bốn mặt và thần Brahma năm mặt v. v. người ta không thể không phân vân. Phải chăng đó chỉ là những sản phẩm của óc thần-thoại ?

Muốn có những giải đáp thỏa đáng cho những nghi-vấn về văn hóa Ấn-Độ người ta bắt buộc phải bước vào địa hạt của tôn-giáo.

Theo học giả Dr. Radhakrishnan, đối với Ấn-Độ, tôn giáo không phải chỉ là những lý-thuyết về Thượng-Đế mà là một thứ tri-thức huyền-diệu giúp cho con người khám-phá tự-thân và cộng-thông với thần-thánh.

Tất cả mọi ngã đường đưa tới văn-nghệ Ấn-Độ đều đi qua cửa ngõ tôn-giáo. Bởi thế văn-nghệ-sĩ thường có một nguồn rung-cảm sâu xa không phải hoàn toàn do kinh-nghịem hay giác-quan quyết-định. Họ còn phải phiêu diêu trong một cuộc suy tư, tập trung hết tinh thần vào một đối-tượng, đồng-nhất-hóa với đối-tượng để « quán tưởng » được đối tượng đó, nghĩa là xếp đặt được một hình ảnh toàn vẹn và linh-động của đối tượng trong tâm trí họ. Hình tượng, màu sắc, thanh âm đều theo đó mà được lựa chọn. Tác phẩm sẽ là một biểu-thức của một tư-tưởng. Nghĩa là họ đi ngược đường -những người muốn vật chất hóa tư tưởng. Bởi thế khác với nghệ thuật tạo-hình của Hy-Lạp vốn là một công trình lý-tưởng-hóa vẻ đẹp hằng có của con người, nghệ thuật tạo-hình Ấn-Độ tư-tưởng-hóa vẻ đẹp ấy trong mối hòa đồng với vũ-trụ vạn-hữu.

Văn-nghệ-sĩ Ấn-Độ, nhờ có công trình suy-tư quán tưởng, muốn bắt gặp được giống sống nội tại hàng bạc khắp vũ-trụ ; Nghệ thuật đối với họ không thể là công việc biểu diễn một sự hiện-hữu qua trạng thái tĩnh, bất động. Trong giới hạn của tác phẩm phải có một thứ gì uyển chuyển vượt ra, liên kết với ngoại cảnh. Nền cổ-họa của Ấn-Độ cung cấp những bằng chứng hết sức rõ rệt. Các họa phẩm tại động Ajapta, miền Nam-Ấn càng ngày càng khiến các giới nghệ thuật thế giới

phải chú-tâm nghiên cứu. Họa-sĩ Ấn-Độ cho rằng tinh-thần không thể chỉ diễn tả bằng những cử động của các thớ thịt, khớp xương. Thân thể Phật Thích-Ca, trước và sau khi đắc đạo dưới gốc cây bồ đề, đứng về phương diện sinh vật học không có gì đổi khác. Nhưng trạng thái tinh thần lúc đó, của một bậc đại giác, hẳn là phải đổi khác. Vì lẽ đó, vai trò của sinh-vật-học chỉ là phụ thuộc. Khi ta ngắm ảnh chùa Ky-Tô hay Phật Thích-Ca, ta không chú ý tới bắp-thịt, khớp xương mà bị lôi cuốn bằng một thứ toàn-thể của một sức sống nội tại. Không thể hiện được sức sống ấy là không có nghệ-thuật.

Nghệ thuật không bó buộc văn-nghệ-sĩ phải chép lại thiên-nhiên, mà phải diễn tả những rung cảm của mình trước thiên nhiên, tái tạo thiên nhiên. Cho nên trong địa hạt văn-nghệ, người ta thường công nhận rằng thi-ca có nhiều khả năng nghệ thuật nhất. Văn-nghệ-phẩm có giá trị của Ấn-Độ bao giờ cũng được sáng-tác theo một quan-điểm nghệ thuật như vậy. Thế giới của nghệ thuật Ấn-Độ là thế giới của những thứ gì bất tử.

Nói tóm lại, suy-tưởng là động-lực thúc đẩy sáng-tác cho các văn-nghệ-sĩ Ấn-độ. Và dẫn đạo cho suy tưởng đó là ánh sáng của tôn giáo, đưa dắt văn-nghệ-sĩ đi phiêu diêu trong vũ-trụ, hay là tới những ngõ ngách của tâm hồn mình. Ít khi người ta thấy họ sáng-tác bằng một cảm-giác đơn thuần. Sức mạnh tinh thần của họ là sức mạnh tinh thần của những nhà tu thiền. Nếu không sợ nói quá sự thật thì có thể cho rằng văn-nghệ-sĩ Ấn-Độ đã đạt tới những giới hạn sâu xa nhất của sức suy-tưởng. Tác phẩm của họ bao giờ cũng mang những tính-chất của trường thành.

Hơn một năm trước đây, một vũ-đoàn Ấn-Độ đã tới viếng Sài-gòn. Chúng ta không nên che đậy một sự thật : Vũ đoàn ấy không được giới nghệ thuật ở đây hoan-ngênh lắm.

Cũng có thể giả định rằng các nghệ-sĩ đã không xuất sắc. Nhưng thật sự vũ-đoàn ấy đã giới thiệu những nghệ-sĩ ưu-tú. Nhịp trống tabla, giọng sáo, tiếng đàn Sitar họ là những thứ quyến-dũ và chinh phục. Đôi mắt, bước chân, ngôn tay của người múa trang trọng như những cử chỉ của tín đồ bước vào giáo-đường. Lời hát tha thiết, kể lể. Tất cả là đường nét, là âm thanh của vũ-trụ — họ tin như vậy — mà họ chỉ diễn lại trên khoảng sân khấu bé nhỏ.

Buổi gặp gỡ không nhiều phần thẩm duyệt. Cũng dễ hiểu. Ý thức văn-nghệ của chúng ta đang gặp buổi giao động. Những truyền thống cổ hữu hầu như bị những thế kỷ nội loạn, ngoại xâm chôn vùi. Xu hướng vật-chất-hóa nghệ thuật tuy mới được du nhập nhưng cũng tác hại không ít. Trước một nền văn-nghệ trường thành trong sự bảo vệ của tôn-giáo, sao tránh khỏi xa cách, bỡ ngỡ.

Lúc này chúng ta chưa thể bằng lòng về hiện-trạng văn-nghệ nếu quả thật chúng ta muốn xây dựng một nền văn-nghệ đủ giá trị góp mặt với văn nghệ quốc tế. Kiểm điểm lại các tác phẩm : Còn phải sáng-tác nhiều !

Nhưng dù chưa xây dựng được một cách tích cực khiến tòa lâu đài văn nghệ của chúng ta ngày một thêm nguy nga tráng lệ, ít nhất cũng có thể góp sức một cách tích cực : Loại bỏ những thứ gì phản bội nghệ thuật. Hay ít nhất, cũng biện biệt được vàng thau.

Như vậy, thiết nghĩ công việc chỉ có thể bắt đầu một cách có hiệu quả nhất bằng chính các văn-nghệ-sĩ. Một nguồn rung cảm mãnh-liệt, chân thành, đó là điều kiện thiết yếu để văn-nghệ-sĩ tự bênh vực. Những công thức, những thương vay khóc mượn không bao giờ giúp ai đạt tới tầng sâu kín của đối tượng.

Một thực-tại xã-hội như hiện tại, phải cần có nỗi đau xót của Nguyễn-Dụ vọng lên những tiếng kêu đứt ruột, mới phơi bày được ra trước ánh sáng. Công việc cải-tạo nó, sẽ đến sau. Văn hóa của Ấn-Độ quen thuộc với chúng ta từ những ngày xa xăm của lịch-sử. Nó không thay thế nhưng trợ-lực và bổ túc cho văn hóa của chúng ta.

Bàn đến vấn-đề rung-cảm trong văn-nghệ Ấn-Độ là muốn nhắc nhở đến nguồn rung cảm trong văn-nghệ chúng ta.

Khi nào mọi người sáng tác cũng như mọi người thưởng ngoạn đều chung một quan điểm theo đó nghệ-thuật không bao giờ dung thứ những gì tầm thường, giả tạo, chúng ta có thể tin rằng lịch sử nghệ thuật của chúng ta được ghi thêm những nét son.

Trong khi chờ đợi, thái độ của văn-nghệ-sĩ Ấn-Độ vẫn đáng để chúng ta lưu tâm. Dĩ nhiên thế giới của họ sẽ không là thế giới bắt buộc của chúng ta, nhưng phương tiện của họ có lẽ không hẳn vô dụng đối với những ai không muốn phản bội nghệ thuật.

TRẦN THANH HIỆP

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của Nguyễn Đăng—Quan Sơn
Trưởng Giang—Hầu Anh

XUỞNG KỊCH của NHỮNG NGƯỜI YÊU KỊCH

Trước tình trạng gần như « yên ngủ » của sân khấu mới hiện nay, bất cứ một dự định hoạt động nào, dù ở trong phạm vi chương trình kế hoạch cũng đáng được chúng ta chú ý và khuyến khích. Kế hoạch thành lập xưởng kịch của Trần-lê-Nguyễn với tính cách đại quy mô và thực tế của nó, có thể làm một mở đầu tốt đẹp cho sự cộng tác của tất cả mọi người thiết tha với kịch. Bản kế hoạch này chia làm ba phần : 1) Phần tổ chức với sự minh định nhiệm vụ của những người phụ trách, nghệ thuật và tài chính. 2) Phần điều kiện cộng tác, đề cập tới những người ở ngoài với những nguyên tắc căn bản tối thiểu. 3) Phần chương trình hoạt động, phân chia làm ba giai đoạn thực hiện. Hiện nay T.L.N. với bản kế hoạch của anh, đang ra sức tiếp xúc với các bạn hữu có khả năng và nhiệt tâm trong bộ môn kịch đồng thời anh cũng đang cố gắng giải quyết vấn đề tài chính và sưu tầm những kịch bản giá trị. Trữ lực nhiều và lớn lao. Tổ chức kịch lại là một tổ chức hoàn toàn tập thể, một người hay vài người không đi tới được một kết quả nào. Chúng ta mong rằng sự hưởng ứng của những người tha thiết với sân khấu sẽ đông đảo, trước sáng kiến của T.L.N. Vì sân khấu mới không thể kéo dài tình trạng hoang vắng hiện tại. Với sự giúp đỡ của các cơ quan đoàn thể, với sự hợp tác của mọi người yêu kịch, dựa trên một kế hoạch được dự thảo khoa học, đầy đủ, dù trữ lực đến đâu, việc tổ chức trình diễn những vở kịch mới cũng không phải là một ảo tưởng.

NGUYỄN ĐĂNG

THÊM MỘT Ý KIẾN VỀ CUỐN VĂN HỌC VIỆT-NAM THỜI LÝ của LÊ-VĂN-SIÊU

Độc văn học Việt-Nam thời Lý của ông Lê-văn-Siêu trang 44, trong bài thơ của Trương Tích tạng Nhật-Nam tạng có câu :

Phiên kinh thượng tiêu diệp,

Quải nạp lạc đăng hoa.

Thượng tọa Mật Thể dịch là :

Lá chuối biên kinh cũ

Bóng mấy rụng áo dài.

Lời chú thích số 4 cùng trang, ông Lê-văn-Siêu giải thích câu « Lá chuối biên kinh cũ » như sau :

« Nghĩa là nhìn vào tàu lá thấy lời kinh Phật, hay đọc được lời « kinh qua tàu lá ấy. Tức là nhà sư thấm nhập làm một với thiên nhiên ».

Lời chú số 7 ông Lê ghi thêm :

« Nguyễn-đồng-Chí và sau đó Hồ-hữu-Tường hiểu là thời ấy sư không « có giấy nên chép kinh lên lá chuối. Sự hiểu hình thức ấy thực là ngộ ngớ « và làm giảm giá trị của thơ vậy ».

Riêng về phần tôi, năm ngoái có qua đảo Tích Lan thăm chùa Mawattale Maha Vihara ở tỉnh Kandy và vị tối cao Pháp chủ tăng già Tích Lan tu ở chùa đó. Khi vào thăm viện bảo tàng của ngôi chùa cổ kính này chúng tôi được xem nhiều kỷ vật nào là bình bát mà vua Thái Lan biếu các vị tăng đề khắc thực, nào cái quạt của Đức tối cao Pháp chủ đã quá cổ... Tôi có đề ý tới một tập gì màu vàng ủa như lá chuối khô đóng gáy gỗ. Hỏi ra mới biết đó là những kinh tạng cũ viết trên lá gồi.

Tôi thiết nghĩ ngay từ thời Lý đã có những vị cao tăng Việt-Nam hoặc qua ở hẳn Tích Lan rồi chết ở đó (như Huệ Diệm pháp-sư) hoặc tới đảo Tích Lan rồi qua Tây Ấn (như Khuy-Sung pháp-sư) vậy việc kinh tạng viết trên lá gồi hẳn cũng là một sự thường được phổ biến. Câu : « *phiên kinh thượng tiêu điệp* » (lá chuối biên kinh cũ) rất có thể hiểu theo hình thức là vậy, chứ không phải hiểu theo nghĩa bóng như ông Lê đã giải thích ở lời chú số 4.

Tôi chỉ thuật lại một sự đã được thật mục sở thị và nêu ý kiến này lên để tất cả chúng ta cùng tìm sự thực. Có thể là ông Nguyễn-đồng-Chí và ông Hồ-hữu-Tương có lý. Vả hiểu như vậy, tôi thấy cũng không làm giảm giá trị câu thơ đi chút nào. Trái lại cách hiểu theo nghĩa bóng của ông Lê có khi cầu kỳ quá.

Tôi viết những giòng trên đây để thành thực đáp lại « *Đôi lời cuối cùng* » của tác giả họ Lê ở phần cuối sách (trang 139—140) để ông tham khảo thêm khi cho in lại sách.

QUAN SƠN

KHAI MẠC XƯỞNG HỌA TỬ DUYÊN

Với thiện chí phát huy ngành thủ ấn họa nước nhà. Họa sĩ Tú Duyên đã mở một xưởng vẽ tại đường Nguyễn-công-Trừ, số nhà 161.

Tháng 7 vừa qua họa sĩ đã có nhã ý mời một số nhân vật tại Thủ Đô tới dự tiệc trà để khai mạc và đồng thời thưởng thức những họa phẩm mới nhất của ông.

Họa sĩ Tú Duyên hiện nay là người độc nhất chuyên về lối thủ ấn họa, tức là làm mộc bản in trên lụa. Cách vẽ, màu sắc cũng như đề tài, ông thiên nhiều về dân tộc tính Việt-Nam.

Theo lời họa sĩ thì chừng cuối năm nay ông sẽ trưng bày một loạt tác phẩm về tục ngữ và ca dao. Hy vọng họa sĩ Tú Duyên sẽ thành công trong ngành này.

TRIỂN LÃM TRANH THUỐC NƯỚC và BỘT MÀU của bà WAINRIGHT

Tại hội quán Pháp quốc đồng minh—22 đường Gia-Long Sài-gòn—cũng có một cuộc triển lãm về tranh vẽ. Nữ họa sĩ là một tài tử chứ không phải chuyên nghiệp trong nghề.

Đa số tranh là phong cảnh về các nước ở Châu-Á, một số nữa vẽ chân dung (Mọi, Ấn-độ v.v...) kỹ thuật của bà Wainright cũng giản dị. Thiên về trang trí, tranh của bà cũng gợi cảm ở những màu sắc chọn lọc tuy nhiên nhiều khi chưa được thành thạo lắm nên còn có chỗ hơi sượng.

Bà Wainright thành công về phong cảnh hơn là những tấm chân dung. Tranh vẽ mặt người của bà tuy đúng về hình họa nhưng khó khăn

ở lối diễn tả, hơn nữa lại nghèo về màu sắc.

Những họa phẩm vẽ cảnh mà thêm nhân vật cũng mắc phải lỗi này. Người của bà thiếu linh động vì thế, làm hại rất nhiều đến toàn thể bức tranh.

Nhưng đối với một nữ họa sĩ nhất là chỉ vẽ khi thấy thích vẽ thì đã là một điều đáng khen nhiều. Nhìn theo quan điểm đó thì tranh bà Wainright cũng không tồi.

TRƯỜNG GIANG

CON BỌ HUNG VÀNG TRUYỆN của EDGAR POE

Bản dịch của Hoàng Lan — Nhà xuất bản Như Nguyễn.

Thi sĩ Edgar Poe là một nhà thơ kiêm tiểu thuyết gia kỳ tài của Mỹ quốc vào thế kỷ 19. Truyện của ông đều phảng phất một không khí quái đản, dẫn dắt người xem vào địa hạt siêu hình học của sự hãi.

Tập Con Bọ Hung Vàng gồm 13 truyện ngắn của thi sĩ. Tất cả đều ly kỳ. Có thể kể những đầu đề sau đây: Một vụ báo thù ghê gớm, Con mèo đen, Chiếc mặt nạ của xích tử thần, Giọt máu cuối cùng của giống họ U-xe.

Bằng một hơi văn hấp dẫn Edgar Poe dẫn ta đi vào thế giới của sự chết một cách khoa học, và sự độc đáo của Poe còn ở chỗ tự nhiên, tưởng như chính ông đang kể những chuyện ông đã sống hoặc đã thấy rồi vậy.

Bản dịch của Hoàng Lan cũng khá lưu loát. Tuy một vài chỗ còn vấp phải đôi chút lủng tủng của văn thể nhưng cũng đủ giới thiệu với độc giả những mẫu chuyện đặc biệt nhất của Edgar Poe, nhà tiểu thuyết tiên phong trong ngành này.

NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH NGUYỄN MẠNH DẪN

Với non một trăm tấm ảnh chụp trưng bày ở hội quán Pháp quốc Đông minh, ông Nguyễn-Mạnh-Dẫn đã nói lên một cách đầy đủ về kỹ thuật nhiếp ảnh. Rất nhiều tấm ảnh chụp rất công phu, không những là sự cất công đi tìm đề tài mà ở cả chỗ phải chờ đợi thế nào cho đúng lúc để chụp—Một tấm lưới vung lên trong tay một người thợ chài một buổi sớm, những cánh vó của bầy chim. Một « cử động » nào đó của thiên nhiên chỉ thoáng qua trong giây lát. Nắm được yếu điểm đó nhà nhiếp ảnh đã thành công một phần nào trong vấn đề xử dụng kỹ thuật. Lối bố trí để làm sao gây cho người xem cái xúc cảm trước cảnh vật cũng là cách lấy ánh sáng, cách « nhia » bằng ống ảnh, ông Nguyễn-Mạnh-Dẫn đã thu nhiều kết quả với những tấm bích của ông. Có thể kể vài tấm chân dung cũng phong cảnh.

Theo tôi, ông Nguyễn-mạnh-Dẫn thành công trong địa hạt này. Cũng tương đối ở nước ta, các nhiếp ảnh gia đã gây được khá nhiều thành tích. Nghệ thuật nhiếp ảnh hiện thời kể ra đã bước một bước dài so sánh với các bộ môn nghệ thuật khác.

